ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

**TRƯỜNG THCS PHƯỚC VĨNH AN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHƯỚC VĨNH AN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Văn Tý | Hiệu Trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
| 2 | Vũ Thị Hạnh | P.Hiệutrưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
| 3 | Nguyễn Thị Ngọc Hà | Thư ký HĐSP | Thư ký hội đồng |  |
| 4 | Nguyễn Văn Thành | Tổ trưởng CM | Uỷ viên hội đồng |  |
| 5 | Nguyễn Công Bình | CB TB | Uỷ viên hội đồng |  |
| 6 | Nguyễn Thị Thu Thủy | P.BT Chi bộ | Uỷ viên hội đồng |  |
| 7 | Đặng Thị Kim Phương | Tổ trưởng CM | Uỷ viên hội đồng |  |
| 8 | Nguyễn Thái Hùng | CT. Công đoàn | Uỷ viên hội đồng |  |
| 9 | Trần Thanh Thúy | Giáo viên | Uỷ viên hội đồng |  |

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2019MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục |  |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá |  |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU |  |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ |  |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ |  |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ |  |
| I. Tiêu chuẩn đánh giá Mức 1, Mức 2 và Mức 3 |  |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 1.1**: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường |  |
| **Tiêu chí 1.2** : Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác |  |
| **Tiêu chí 1.3**: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường |  |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng |  |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học |  |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản |  |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên |  |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục |  |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở |  |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học |  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 1 |  |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 2.1**: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng |  |
| **Tiêu chí 2.2**: Đối với giáo viên |  |
| **Tiêu chí 2.3**: Đối với nhân viên |  |
| **Tiêu chí 2.4** : Đối với học sinh |  |
| **Kết luận về Tiêu chuẩn 2** |  |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 3.1**: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập |  |
| **Tiêu chí 3.2**: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập |  |
| **Tiêu chí 3.3**: Khối hành chính - quản trị |  |
| **Tiêu chí 3.4**: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước |  |
| **Tiêu chí 3.5**: Thiết bị |  |
| **Tiêu chí 3.6**: Thư viện |  |
| **Kết luận về Tiêu chuẩn 3** |  |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 4.1**: Ban đại diện cha mẹ học sinh |  |
| **Tiêu chí 4.2**: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường |  |
| **Kết luận về Tiêu chuẩn 4** |  |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục** |  |
| **Mở đầu** |  |
| **Tiêu chí 5.1**: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông |  |
| **Tiêu chí 5.2**: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện |  |
| **Tiêu chí 5.3**: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định |  |
| **Tiêu chí 5.4**: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp |  |
| **Tiêu chí 5.5**: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh |  |
| **Tiêu chí 5.6**: Kết quả giáo dục |  |
| **Kết luận về Tiêu chuẩn 5** |  |
| III. KẾT LUẬN CHUNG |  |
| Phần IV. PHỤ LỤC DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG |  |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **Kết quả đánh giá**

(Đánh dấu (x) và ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt )

**Đánh giá tiêu chí Mức 1,2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.3 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 1.4 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 2.3 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.2 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 3.3 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.5 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 3.6 | X (Mức 3) | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 4.2 | X (Mức 3) | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.5 | X (Mức 3) | X | X |  |
| Tiêu chí 5.6 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 2, không đạt Mức 3

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An

Tên trước đây: Trường Phổ Thông Cơ Sở Phước Vĩnh An

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chi Minh |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Nguyễn Văn Tý |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Củ Chi |  | Điện thoại | 02837955399 |
| Xã / phường/thị trấn | Phước Vĩnh An |  | Fax | Không |
| Đạt CQG | X |  | Website | http://thcsphuocvinhan.hcm.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1991 |  | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | X |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Trường chuyên biệt | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

1. **Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học**  **2018 - 2019** |
| Khối lớp 6 | 5 | 6 | 6 | 6 | 6 |
| Khối lớp 7 | 5 | 5 | 6 | 6 | 6 |
| Khối lớp 8 | 4 | 5 | 5 | 6 | 6 |
| Khối lớp 9 | 4 | 4 | 5 | 5 | 7 |
| **Cộng** | **18** | **20** | **22** | **23** | **25** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **T**  **T** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| 1 | Phòng học kiên cố | 18 | 20 | 22 | 23 | 25 |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Phòng học tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Các phòng chức năng khác | 12 | 12 | 11 | 10 | 10 |
|  | **Cộng** | 30 | 32 | 33 | 33 | 35 |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng**  **số** | **Nữ** | **Dân**  **tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa  đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 |  | 0 |  |  | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 |  |  | 1 |  |
| Giáo viên | 46 | 32 | 0 | 0 | 8 | 38 |  |
| Nhân viên | 4 | 3 | 0 | 0 | 3 | 1 |  |
| **Cộng** | **52** | **32** | **0** | **0** | **11** | **41** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 38 | 40 | 40 | 41 | 46 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 38/18  2,11 | 40/20  2,0 | 40/22  1,81 | 41/23  1,78 | 46/25  1,84 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 38/720  0,05 | 40/779  0,05 | 40/864  0,046 | 41/921  0,045 | 46/997  0,046 |
| 4 | Tổng số giáo viên  dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 4 | 3 | 2 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học**  **2016-2017** | **Năm học**  **2017-2018** | **Năm học**  **2018-2019** |
| 1 | Tổng số học sinh | **720** | **779** | **864** | **921** | **997** |
| - Nữ | 349 | 382 | 418 | 451 | 488 |
| - Dân tộc | 7 | 6 | 9 | 12 | 8 |
| - Khối lớp 6 | 213 | 243 | 243 | 242 | 309 |
| - Khối lớp 7 | 191 | 200 | 240 | 238 | 236 |
| - Khối lớp 8 | 169 | 186 | 200 | 240 | 232 |
| - Khối lớp 9 | 147 | 150 | 181 | 201 | 220 |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 213 | 243 | 243 | 242 | 309 |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 720 | 779 | 864 | 921 | 997 |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp học | 720/18  40 | 779/20  38,95 | 864/22  39,27 | 921/23  40,04 | 997/25  39,88 |
| 7 | Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 683  94,81% | 737  94,65% | 812  94,01% | 863  93,7% | 945  94,8% |
| - Nữ | 339  97,17% | 371  96,60% | 404  96,65% | 418  92,6% | 457  93,7% |
| - Dân tộc | 7  100% | 5  83,3% | 8  88,9% | 10  83,3% | 8  100% |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 15 | 30 | 37 | 32 | 32 |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 105 | 43 | 131 | 115 | 135 |
| - Nữ | 45 | 22 | 60 | 58 | 63 |
| - Dân tộc | 3 | 1 | 4 | 5 | 8 |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 14 | 13 | 21 | 17 | 22 |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường:**

**Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An được thành lập vào năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt nhất tại chiến trường miền Nam.** Sau ngày đất nước được giải phóng, trường Trung học Tỉnh hạt Phước Vĩnh Ninh sáp nhập với trường Tiểu học Phước Vĩnh Ninh với tên mới là Trường Phổ thông cấp 1,2 Phước Vĩnh An (cơ sở chính đặt tại Trường Tiểu học Phước Vĩnh An hiện nay). Đến năm 1991, trường được tách ra từ trường Phổ thông cơ sở Phước Vĩnh An với tên gọi chính thức là trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An cho đến ngày nay. Năm 2013, trường được Uỷ ban nhân dân Huyện Củ Chi đã phê duyệt dự án xây dựng mới trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An với khuôn viên rộng 10.246,51 m2.

**a. Cơ sở vật chất:**

Cơ sở vật chất trường học được xây mới toàn bộ, khang trang, sạch đẹp, khá thuận lợi cho hoạt động dạy và học của nhà trường. Hiện nay, trường có 25 phòng học và có đủ các phòng như: phòng truyền thống; phòng Công đoàn; phòng Đoàn Đội; phòng làm việc của Ban giám hiệu; phòng thư viện; phòng y tế; phòng hội đồng... một nhà thi đấu đa năng và một sân vận động mi ni phục vụ cho việc dạy và học. Cảnh quan môi trường cũng đã được đầu tư đúng mức tạo nên môi trường xanh – sạch – đẹp.

**b. Về tài chính:**

Ngân sách nhà nước cấp hàng năm căn cứ vào quỹ lương của trường chỉ đáp ứng tối thiểu cho các hoạt động dạy và học. Các khoản thu ngoài ngân sách đều theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện. Vì vậy, nhà trường gặp không ít khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, việc bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học luôn là nội dung được quan tâm hàng đầu. Năm học 2018-2019, trường có 12 máy tính văn phòng, 60 máy tính để dạy, 100% kết nối Internet, đều có Wifi kết nối 24/24 nhằm phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Ngoài ra còn có 07 máy in phun, 1 máy photo đáp ứng tốt hoạt động của nhà trường.

**c. Đội ngũ:**

100% Cán bộ, giáo viên , nhân viên có trình độ chuẩn và trên chuẩn; một số cán bộ giáo viên có chuyên môn khá vững vàng. Qua kiểm tra đánh giá 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trong đó100% giáo viên đánh giá theo chuẩn xếp loại từ Khá trở lên và 90% xếp loại Xuất sắc. Bổ sung

**d. Công tác quản lý:**

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi; sự đồng thuận, chung tay góp sức của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là sự đổi mới trong công tác quản lý, trong những năm gần đây trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An có nhiều chuyển biến tích cực, nhiều năm liền trường luôn đạt danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, đạt Huân chương lao động Hạng III, được Sở Giáo dục và Đào tạo tặng cờ thi đua cấp Thành phố. Đặc biệt năm học 2015 – 2016 trường đươc công nhận trường Trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2015 – 2020.

**2. Mục đích tự đánh giá:**

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là nhằm tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thông báo công khai với cơ quan quản lý Nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường; đề ra những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giao dục, góp phần thực hiện mục tiêu chung và chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường.

**3. Tóm tắt quá trình và nhựng vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá từ 20/01/2019 và hoàn thành vào ngày 15 tháng 07 năm 2019. Sau đó nhà trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung nội dung báo cáo tính đến thời điểm hiện tại. Hội đồng tự đánh giá nhà trường có 09 thành viên, gồm Cán bộ quản lý, thư ký Hội đồng trường, các tổ trưởng chuyên môn, đại diện Công đoàn, bí thư chi đoàn- tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Các thành viên trong hội đồng được phân công theo nhóm để thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí và viết phiếu đánh giá. Nhóm thư kí có trách nhiệm kiểm tra, chọn lọc mã hóa các thông tin minh chứng, đồng thời giúp Chủ tịch hội đồng rà soát, hoàn chỉnh các phiếu đánh giá và tập hợp thành báo cáo tự đánh giá của nhà trường. Báo cáo tự đánh giá sau khi thông qua Hội đồng tự đánh giá sẽ được công bố để lấy ý kiến của Hội đồng sư phạm nhà trường.

Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình sau:

* Thành lập Hội đồng tự đánh giá
* Xây dựng kế hoạch tự đánh giá
* Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng
* Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
* Viết báo cáo tự đánh giá.

[

* Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường

Cán bộ – giáo viên – nhân viên và học sinh của trường căn cứ báo cáo tự đánh giá để thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng và phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong từng tiêu chí.

Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất.

Thời gian tự đánh giá từ 20/01/2019 và hoàn thành vào ngày 15 tháng 07 năm 2019.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2, VÀ MỨC 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:** Trường có cơ cấu cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học, có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác. Có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng, đủ giáo viên dạy các môn học cơ bản và giáo viên chuyên trách dạy các môn năng khiếu. Các tổ chuyên môn được thành lập và đi vào hoạt động có nề nếp, tổ trưởng chuyên môn là những giáo viên có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác, hoạt động của tổ chuyên môn là nền tảng thúc đẩy và góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Cán bộ – giáo viên – nhân viên nhà trường chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản của nhà trường theo đúng quy định. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.**

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, của địa phương, hiệu trưởng xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được qui định theo khoản 3, Điều 27 Luật Giáo dục 2005; phù hợp với các nguồn lực về nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất của nhà trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương [H1-1.1-01].

b) Chiến lược phát triển của nhà trường đã thể hiện rõ thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được, cơ hội thách thức, các mục tiêu phát triển trong từng năm học và cả giai đoạn. Chiến lược đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. [H1-1.1-02].

c) Chiến lược phát triển được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và đã được niêm yết tại nhà trường ở nơi dễ quan sát và đăng tải trên website của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hiệu trưởng phân công phó Hiệu trưởng giám sát việc thực hiện và báo cáo cho hội đồng trường để bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, hiệu trưởng phân công các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện và phát triển theo kế hoạch chung, chỉ đạo bộ phận văn phòng lập hộp thư điện tử tiếp nhận phản ánh của các bộ phận, cha mẹ học sinh về thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển **[**H1-1.1-04].

Mức 3:

Việc rà soát, đối chiếu với các chỉ tiêu trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, toàn thể thành viên trường lấy ý kiến đóng góp nhằm bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của giáo dục xem có phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. **[**H1-1.1-04]; **[**H1-1.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển được toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhất trí cao được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi phê duyệt và phổ biến trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Các mục tiêu trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có tính chất khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường và địa phương trong từng giai đoạn. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đã mang tính định hướng cho sự phát triển rõ rệt của nhà trường trong những năm vừa qua.

**3. Điểm yếu**

Việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường chưa được nhiều thông tin từ cha mẹ học sinh vì thế kết quả thực hiện phương hướng chưa đạt như mong muốn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu trong chiến lược phát triển nhà trường trong những năm tiếp theo. Hiệu trưởng tổ chức sơ kết định kì rút ra những ưu, nhược điểm, đồng thời cập nhật thông tin và các văn bản chỉ đạo các cấp để có cơ sở tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường hằng năm để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Phổ biến thông tin phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường rộng rãi đến cha mẹ học sinh trong các phiên họp định kỳ hằng năm.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.2:** **Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 153/QĐ-GDĐT ngày 27/8/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Củ Chi, Hội đồng trường có nhiệm kỳ 5 năm [H1-1.2-01]. Vào đầu năm học, Hiệu trưởng đã ra quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1. 2-02];Các tổ chuyên môn [H1-1. 2- 03]; Hội đồng chuyên môn [H1-1. 2-04]; Tổ văn phòng và các bộ phận khác [H1-1. 2- 05].

b) Tất cả các hội đồng trong nhà trường đều thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều 20, 21 trong Điều lệ trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học góp phần cùng với nhà trường đẩy mạnh các hoạt động và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. [H1-1.2-06].

c) Các hội đồng thực hiện sơ kết vào cuối học kì và tổng kết vào cuối

năm học nhằm rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm đồng thời bổ sung kế hoạch hoạt động thời gian tới, đảm bảo kế hoạch đề ra [H1-1.2-07].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả được thể hiện qua các hoạt động của Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng chuyên môn…góp phần tăng tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm tốt đạt trên 90%, tỷ lệ học lực khác giỏi trên 30%, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. [H1-1.2-08].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định tại Điều lệ trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, cũng như các quy định khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thành lập đầy đủ các Hội đồng theo quy định, các Hội đồng hoạt động có hiệu quả.

**3.** [**Điểm yếu**](file:///C:\Users\Quynh%20Anh\AppData\Roaming\Microsoft\Word\Tap%20huan%20Dot%2040.ppt)

Năng lực, sở trường của từng thành viên trong các hội đồng khác nhau, hoạt động chưa đều tay nên kết quả hoạt động của các hội đồng chưa đồng đều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019 – 2020 trở về sau, khi có thay đổi nhân sự nhà trường bổ sung nhân sự mới kịp thời vào hội đồng trường, các hội đồng khác và tổ chức tốt hoạt động để phát huy thêm vai trò của từng thành viên trong các hội đồng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.3**: **Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đónggóp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có tổ chức công đoàn với 51 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Củ Chi [H1-1.3-01];Có tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh gồm 10 Đoàn viên giáo viên trực thuộc xã Đoàn Phước Vĩnh An. Chi đoàn trường là nơi các giáo viên đoàn viên phát huy sức trẻ, góp phần tích cực vào đổi mới hoạt động nhà trường [H1-1.3-02]; Năm học 2018-2019, tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm 997 Đội viên **[**H1-1.3-03]. Chi hội khuyến học Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An, trực thuộc Hội khuyến học xã Phước Vĩnh An Huyện Củ Chi có rất nhiều đóng góp tích cực cho công tác của Hội. [H1-1.3-04]. Chi hội Chữ thập đỏ của trường trực thuộc Hội chữ thập đỏ Huyện Củ Chi [H1-1.3-05].

b) Công đoàn luôn quan tâm đến đời sống cán bộ, giáo viên, nhân viên trường [H1-1.3-06]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. [H1-1.3-07]; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-08] theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.

c) Cuối học kỳ nhà trường có tổ chức rà soát, đánh giá hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình. [H1-1.3-09].

Mức 2:

a) Nhà trường có Chi bộ đảng thuộc Đảng bộ xã Phước Vĩnh An với 19 đảng viên [H1-1.3-10]; 5 năm liền từ năm 2014 đến 2017 đạt “Chi bộ trong sạch vững mạnh”, trong năm 2018 đạt chi bộ xuất sắc, đạt hạng nhất trong Hội thi kể chuyện “ Học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”... [H1-1.3-11].

b) Hằng năm, dưới sự lãnh đạo của chi ủy chi bộ các tổ chức đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường được cấp trên đánh giá cao: Công đoàn đạt vững mạnh-xuất sắc. [H1-1.3-12]; Chi đoàn xuất sắc. .[H1-1.3-13]; Liên đội xuất sắc. [H1-1.3-14].

Mức 3:

a) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ có 04 năm đạt Trong sạch vững mạnh, 1 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. [H1-1.3-11].

b) Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác chưa có đóng góp hiệu quả cho cộng đồng

**2. Điểm mạnh**

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động đúng vai trò trách nhiệm và làm việc có kế hoạch, tổ chức các hoạt động sôi nổi đạt hiệu quả cao.

**3. Điểm yếu**

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác chưa có đóng góp hiệu quả cho cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019- 2020, Hiệu trưởng có kế hoạch đẩy mạnh và phát huy tốt hoạt động của các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác đảm bảo vai trò tham mưu tư vấn choHiệu trưởng trong các hoạt động của trường và cộng đồng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.4:** **Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2 .

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3.

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 01 Hiệu trưởng và 1 phó hiệu trưởng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi quyết định bổ nhiệm đúng quy định theo Điều lệ trường trung học **[**H1-1.4-01]; **[**H1-1.4-02].

b) Trường có 6 tổ chuyên môn, 1 tổ văn phòng, mỗi tổ có 1 tổ trưởng phụ trách do Hiệu trưởng bổ nhiệm vào đầu năm học và hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học [H1-1.4-03].

c) Đầu năm học, các tổ căn cứ vào kết quả đạt được trong năm học trước, dựa trên kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ được phó hiệu trưởng chuyên môn góp ý, điều chỉnh bổ sung và được hiệu trưởng phê duyệt, tổ văn phòng được giao nhiệm vụ phụ trách các vấn đề hỗ trợ các tổ chuyên môn thực hiện công tác giảng dạy và thực hiện công việc hành chính đúng theo quy định [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn đều thực hiện chuyên đề cấp trường, cấp huyện, tất cả các chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-05]. Các chuyên đề cấp huyện đã thực hiện và được hội đồng chuyên môn, giáo viên bộ môn trong toàn huyện về dự, đánh giá cao [H1-1.4-06], cụ thể:

Năm học 2014 – 2015:

+ Chuyên đề môn Địa lí: Phát huy tính tích cực trong dạy học địa lí và đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng tích cực (Tháng 11/2014) + Chuyên đề Hoạt động giáo dục NGLL tháng 1,2: “ Mừng Đảng quang vinh, mừng Xuân đại thắng”. ( Tháng 2/ 2015)

Năm học 2015 – 2016: Chuyên đề Tổ Toán: Sử dụng sơ đồ tư duy vào tiết dạy ôn tập chương 1 hình học 8 ( Tháng 11/2015).

Năm học 2016 – 2017: Chuyên đề Tổ Văn: Hướng dẫn học sinh kĩ năng tìm hiểu văn bản ( Tháng 3/2017).

Năm học 2017- 2018: Chuyên đề cấp huyện môn giáo dục công dân

Năm 2018-2019: Thực hiện chuyên đề giáo dục kỷ luật tích cực...

Kết quả sau khi thực hiện các chuyên đề hiệu quả chất lượng giáo dục được nâng cao rõ rệt:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm học | HKI | HKII | Cả năm |
| 2016-2017 | 94,25% | 98,26% | 99,54% |
| 2017-2018 | 88,39% | 96,09% | 97,5% |
| 2018-2019 | 85,47% | 95,19% | 95% |

[H1-1.4-07]

b) Sau mỗi học kì, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều rà soát, đánh giá

kết quả đạt được đồng thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục. [H1-1.4-04].

Mức 3:

1. Hoạt động chuyên môn và tổ văn phòng hiệu quả chưa cao trong việc đóng góp nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.
2. Các chuyên đề của các tổ chuyên môn còn ít, chưa đồng bộ, chưa thường xuyên và chỉ thực hiện ở một số bộ môn nên chất lượng giáo dục cuối năm còn kiểm tra lại nhiều. [H1-1.4-05].

**2.** [**Điểm mạnh**](file:///C:\Users\Quynh%20Anh\AppData\Roaming\Microsoft\Word\Tap%20huan%20Dot%2040.ppt)

Nhà trường có cơ cấu tổ chức, biên chế các tổ phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở và các quy định khác. Từ đó, trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học. Trong quá trình hoạt động các tổ bộ môn và tổ Văn phòng đều có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau.

**3. Điểm yếu**

Các chuyên đề của các tổ chuyên môn còn chưa đồng bộ và thường xuyên nên chưa thực sự góp phần đẩy mạnh chất lượng giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên văn phòng không ngừng tích cực học tập, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp quản lý góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn tập trung trao đổi về phương pháp giảng dạy theo hướng nghiên cứu bài học tập trung thực hiện các chuyên đề một cách đồng bộ, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, .

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.5:** **Khối lớp và tổ chức lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đủ các lớp của cấp học từ lớp 6 đến lớp 9. Năm học 2017 – 2018, trường có 23 lớp trong đó Khối 6: 6 lớp; khối 7: 6 lớp; khối 8: 6 lớp; khối 9: 5 lớp. Năm học 2018-2019 trường có 25 lớp có đủ các cấp học từ lớp 6 đến lớp 9 [H1-1.5-01].

b) Năm học 2018- 2019, trường có 25 lớp, mỗi lớp có lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó, lớp chia thành 4 tổ, mỗi tổ không quá 12 học sinh. Sĩ số học sinh trong lớp theo đúng quy định [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Giữa tháng 8 hàng năm, giáo viên chủ nhiệm nhận lớp sẽ tổ chức cho học sinh bầu chọn ban cán sự lớp, thảo luận và đề ra thang điểm thi đua giữa các tổ trong lớp, hàng tuần sinh hoạt chủ nhiệm các em góp ý, phê bình, khen thưởng các thành viên trong lớp, tổng kết điểm thi đua trong tuần, xếp hạng theo từng tổ và đề ra phương hướng hoạt động trong tuần tiếp theo dưới sự định hướng của giáo viên chủ nhiệm, thực hiện nguyên tắc dân chủ và tự quản lớp tốt [H1-1.5-03].

Mức 2:

Trong 5 năm từ năm 2014 đến 2019 trường không có quá 25 lớp; Sĩ số học sinh không quá 45 em, đảm bảo đúng quy định.[H1-1.05-04].

Mức 3:

Trường có không quá 25 lớp. Số học sinh trong một lớp cao nhất không quá 40 em: Năm học 2017 – 2018 trường có 23 lớp, tổng số học sinh 921 em, bình quân mỗi lớp không quá 40 em; Năm học 2018 – 2019 trường có 997 em, được biên chế thành 25 lớp, bình quân mỗi lớp không quá 40 em [H1-1.5-05].

**2. Điểm mạnh**

Trường biên chế các khối lớp theo đúng tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia, có địa điểm hợp lý (thuận tiện đi lại, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn giao thông), sĩ số lớp đúng quy định.

**3. Điểm yếu**

Sĩ số học sinh trên lớp còn đông ảnh hưởng đến việc quản lý.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 – 2020 trở đi, Hiệu trưởng tham mưu cấp trên xây dựng thêm phòng học, kéo giảm sĩ số học sinh trên lớp sẽ thuận lợi quản lý.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

**Tiêu chí 1.6:** **Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ sổ sách theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ trường trung học và được quản lý đúng theo nhiệm vụ từng bộ phận:

+ Hồ sơ của Cán bộ quản lý: Hồ sơ khen thưởng - kỷ luật, Nghị quyết Cán bộ công chức, hồ sơ thi đua, hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên - nhân viên…. [H1-1.6-01].

+ Học vụ:Sổ đăng bộ; sổ gọi tên và ghi điểm; sổ đầu bài; học bạ học sinh; sổ quản lý cấp phát văn bằng; sổ chuyển đi **-** chuyển đến. Hệ thống hồ sơ sổ sách được sử dụng, bảo quản tốt. [H1-1.6-02].

+ Phòng tài vụ: Sổ quản lý tài sản, hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.6-03].

+ Văn thư**:** Sổ lưu trữ công văn đi, đến [H1-1.6-04].

+ Phòng thiết bị, phòng thí nghiệm - thực hành:hồ sơ quản lý thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm [H3-3.5-03].

+ Phòng y tế**:** hồ sơ theo dõi sức khoẻ của học sinh – cán bộ - giáo viên -nhân viên [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

+ Đối với giáo viên:Tất cả giáo viên bộ môn đều có bài soạn theo quy định, sổ kế hoạch giảng dạy theo tuần, sổ dự giờ để ghi chép và rút kinh nghiệm các tiết dạy của đồng nghiệp [H1-1.6-07]. Tất cả giáo viên chủ nhiệm đều có sổ chủ nhiệm theo mẫu chung [H1-1.5-02].

b) Nhà trường có đủ hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính,lưu trữ hồ sơ chứng từ theo quy định [H1-1-6-08],lập dự toán ngân sách hàng năm và được cấp trên phê duyệt **[**H1-1-6-09]; kế toán thực hiện thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng chế độ kiểm toán tài chính của Nhà nước [H1-1-6-10]. Nhà trường thực hiện tự kiểm tra tài chính của đơn vị theo định kỳ;cuối mỗi học kỳ có công khai tài chính để cán bộ, giáo viên, nhân viên biết, tham gia giám sát, kiểm tra [H1-1-6-11]; [H1-1-6-12]. Quy chế chi tiêu nội bộ đã được đóng góp ý kiến của tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường và thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, Quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, phù hợp với thực tế nhà trường và các quy định của Pháp luật [H1-1-6-13].

c) Trường quản lý và sử dụng nguồn tài chính, tài sản đúng mục đích

vàcó hiệu quả, đúng đối tượng, đúng nhu cầu hoạt động các thiết bị, cơ sở vật chất trường, phục vụ hoạt động giáo dục đúng mục đích, hợp lý góp phần làm giảm chi phí bảo trì, sửa chữa. **[**H1-1.6-09]; [H1-1.6-10].

Mức 2:

a) Hiện nay, nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong công tác quản lý sử dụng phần mềm quản lý tài sản, tài chính, phần mềm Imas của trung tâm chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật, địa chỉ: số 28, Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội [H1-1.6-14].

b) Kế toán nhà trường có nghiệp vụ chuyên môn vững, thực hiện nghiêm các qui định về thu, chi trong quản lý tài chính, trong 05 năm gần đây không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-15].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có lên kế hoạch trong từng giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương nhưng kết quả chưa đạt hiệu quả cao [H1-1.6-16].

**2. Điểm mạnh**

- Kế toán nhà trường có nghiệp vụ chuyên môn vững, thực hiện nghiêm các qui định về thu, chi và quản lý tài sản, tài chính.

- Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả phù hợp với thực tiễn nhà trường và quy định của pháp luật. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý tài sản, tài chính.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa xây dựng cụ thể các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương nên chưa góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch ngắn, trung và dài hạn, tích cực tham mưu các cấp, vận động tạo nguồn thu hợp pháp xác với tình hình thực tế của trường và địa phương góp phần tích cực nâng cao hiệu quả giáo dục.

[

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.7:** **Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên hàng năm đều tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ quản lý [H1-1.7-01].

b) Việc phân công cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên rõ ràng, hợp lý; hiệu trưởng họp tổ trưởng chuyên môn lên kế hoạch phân công chuyên môn cho từng thành viên trong tổ phù hợp với năng lực sở trường của từng thành viên trong nhà trường đảm bảo đạt hiệu quả cao trong mọi hoạt động của nhà trường [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và pháp luật: được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh [H1-1.7-02]; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo các chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo [H1-1.6-06]; [H1-1.6-13]. Được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường; Được hưởng lương và phụ cấp (nếu có) Được cử tham gia các lớp bồi dưỡng [H1-1.7-01]; [H1-1.6-09]. Dự hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.4-05].

Mức 2:

Hiệu trưởng luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát huy năng lực cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về thời gian, cơ sở vật chất để học tập nâng cao, trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp nhằm xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. [H1-1.7-01]; [H1-1.6-09].

**2. Điểm mạnh**

- Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên được xây dựng và thực hiện xuyên suốt trong từng năm học dựa vào tình hình thực tế của nhà trường.

- Nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường và theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Lao động; Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

**3. Điểm yếu:**

Còn giáo viên chưa học nâng cao trình độ lý luận chính trị (Trung cấp).

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2019- 2020, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và sắp xếp cho cán bộ quản lý, giáo viên học tập, bồi dưỡng nâng trình độ lý luận chính trị; Có chế độ động viên khuyến khích và đưa vào chỉ tiêu thi đua hàng năm.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.8:** **Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng rất coi trọng công tác chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học các môn văn hóa và hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường. Ngay từ đầu năm học, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục; kế hoạch năm học và phổ biến, công khai đầy đủ kế hoạch giảng dạy, học tập các môn học và các hoạt động giáo dục khác đến toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường; chỉ đạo từng giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Trên cơ sở kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo, tình hình thực tế của nhà trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã xây dựng và tổ chức thực hiện đầy đủ các kế hoạch hoạt động chuyên môn [H1-1.8-03]; Kế hoạch kiểm tra nội bộ [H1-1.8-04].

c) Cuối mỗi học kỳ nhà trường đều tiến hành rà soát, có sơ, tổng kết rút kinh nghiệm, đối chiếu, so sánh giữa các trường trong huyện, có đánh giá, nhận xét để cải tiến công tác quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy ngay cả hoạt động giáo dục nghề phổ thông - hướng nghiệp và các hoạt động giáo dục khác [H1-1.4-07]; [H1-1.8-05].

Mức 2:

- Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng định kỳ tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục thông qua việc rà soát đánh giá hoạt động dạy, chất lượng giáo dục của bộ môn để điều chỉnh kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.8-06].

-Nhàtrường phổ biến rộng rãi, đầy đủ các văn bản quy định về dạy thêm, học thêm tới toàn thể giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, thường xuyên chỉ đạo, nhắc nhở giáo viên dạy thêm trong các cuộc họp giao ban đầu tuần, họp hội đồng sư phạm thực hiện nghiêm Thông tư 17/2012/TT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác của Ủy ban nhân dân huyện, giáo viên dạy Trung tâm phải làm đơn xin phép và chỉ được dạy khi hiệu trưởng cho phép, hiện nay giáo viên trong nhà trường thực hiện tốt quy định, không có giáo viên vi phạm việc dạy thêm, học thêm [H1-1.8-07].

**3. Điểm mạnh**

- Thực hiện đúng kế hoạch giáo dục đúng qui định, đội ngũ giáo viên

luôn đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, hàng tuần các tổ chuyên môn họp đánh giá kết quả hoạt động giáo dục, điều chỉnh bổ sung để nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Giáo viên thực hiện tốt quy định dạy thêm, học thêm.

**3. Điểm yếu**

Mặc dù nhà trường được cơ quan quản lý giáo dục đánh giá cao về chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, năm học 2018-2019 nhà trường vẫn chưa đạt được mục tiêu về số lượng học sinh giỏi cấp thành phố.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2019-2020, hiệu trưởng sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch, chỉ đạo quản lý, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục, đề ra các biện pháp thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.9:** **Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học nhà trường đều tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch năm học, nội quy cơ quan, thang điểm thi đua, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ và các văn bản liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua các cuộc họp tổ công đoàn, tổ chuyên môn và Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức. [H1-1.9-01].

b) Đảm bảo tốt việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, các khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của cha mẹ học sinh [H1-1.9-02]. Các kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường hằng năm đều được giải quyết đúng thẩm quyền, đúng pháp luật [H1-1.9-03].

c) Hiệu trưởng thực hiện đầy đủ các loại báo cáo theo quy định, báo cáo tháng, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết, báo cáo nhanh, đột xuất theo yêu cầu của các cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã, huyện và của Phòng Giáo dục và Đào tạo [H1-1.9-04].

Mức 2:

Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng chuẩn bị bảng thông tin, lập địa chỉ thư điện tử ([nvty.cuchi@hcm.edu.vn](mailto:nvty.cuchi@hcm.edu.vn)); [thcsphuocvinhan@gmail.com](mailto:thcsphuocvinhan@gmail.com); hộp thư góp ý, phân công phó hiệu trưởng giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ và triển khai đến từng thành viên trường và đảm bảo tất cả thành viên đều biết để đạt hiệu quả cao nhất. [H1-1.9-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường. Hiệu trưởng phối hợp cùng các bộ phận xử lý kịp thời các trường hợp phản ánh từ phụ huynh. Nhà trường không có trường hợp tố cáo nào từ cán bộ, giáo viên, công nhân viên hay phụ huynh và địa phương.

**3. Điểm yếu:**

Công tác báo cáo có khi còn chậm trễ so với tiến độ do khối lượng báo cáo nhiều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 – 2020 và các năm tiếp theo toàn thể cán bộ - giáo viên - nhân viên tiếp tục thực hiện quy chế dân chủ cơ quan trong hoạt động của nhà trường, thực hiện tốt các nghị quyết và chỉ thị của cấp ủy. Hiệu trưởng trực tiếp giao và qui trách nhiệm cho bộ phận báo cáo để đảm bảo thực hiện chế độ thông tin báo cáo đúng tiến độ. Tiếp tục phát huy việc xây dựng kế hoạch phù hợp đúng quy định và thực hiện giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả cao.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 1.10:** **Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

a) Hàng năm, nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích (theo nội dung đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định tại Quyết định số 4458/2003/QĐ-BGD-ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2007) [H1-1.10-01]; Có kế hoạch hoạt động cụ thể [H1-1.10-02]; và có quy chế phối hợp tốt với Công an địa phương, Trạm y tế xã trong việc đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn, phòng chống dịch bệnh trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-03]. Ban an toàn trường học của Huyện chứng nhận Đơn vị thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong trường học [H1-1.10-04]; Đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.10-05];

Nhà trường có tập huấn nghiệp vụ và xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy [H1-1.10-06]. Định kỳ kiểm tra việc an toàn cháy nổ, việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của căn tin (không bán hàng không rõ nguồn gốc, không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm ) [H1-1.10-07]. Phối hợp với Ban an toàn giao thông huyện tuyên truyền Luật Giao thông hằng năm [H1-1.10-08]. Học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh ký kết không vi phạm Luật Giao thông và giáo dục con em không vi phạm Luật Giao thông [H1-1.10-09].

b) Có hộp thư “Điều em muốn nói” đặt tại cổng trường để cho học sinh và phụ huynh có thể phản ánh tâm tư, nguyện vọng hoặc trình bày những điều các em không tiện nói với thầy cô, cha mẹ, thông tin đến phụ huynh và toàn thể học sinh các số điện thoại của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, số điện thoại nhà trường, mail của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, mail trường, số điện thoại của giám thị, giáo viên chủ nhiệm… Thông qua đó để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh và học sinh [H1-1.10-10].

c) Nhà trường thực hiện tốt giáo dục kỹ năng sống, bình đẳng giới, bạo lực học đường trong các giờ học, các tiết Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm hoặc qua các hoạt động ngoại khoá khác nên không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-11].

Mức 2:

a) Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đã tổ chức tuyên truyền vào các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt chủ nhiệm, họp hội đồng sư phạm cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh cùng tìm hiểu và thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, bạo lực học đường, ngăn chặn tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường.[H1-1.10-03]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

b) Nhà trường thường xuyên phối hợp với các lực lượng công an kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự ngăn chặn kịp thời và không để xảy ra tình huống xấu, cán bộ **-** giáo viên **-** nhân viên và học sinh góp phần đảm bảo tốt an ninh, trật tự an toàn trong nhà trường. [H1-1.10-03].

**2. Điểm mạnh**

- Đảm bảo tốt an ninh, trật tự an toàn trong nhà trường, thực hiện tốt quy chế phối hợp tốt với công an.

- Cán bộ - giáo viên - nhân viên và học sinh tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn lao động.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lí các thông tin các em học sinh đánh nhau trên đường về nhà.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học sau, Hiệu trưởng tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, chính quyền, nhân dân địa phương trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trường thường xuyên kiểm tra , thu thập, đánh giá, xử lí các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời các vụ đánh nhau trên đường về nhà.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:** Bộ máy nhà trường đủ về cơ cấu, mạnh về tổ chức. Hệ thống chính trị vững mạnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhiều năm liền Chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu, Tập thể lao động xuất sắc, Công đoàn vững mạnh xuất sắc, Chi đoàn xuất sắc. Trường có đủ cơ cấu lớp đảm bảo về số lớp, số học sinh. Chiến lược phát triển nhà trường vừa có tính dự báo, khoa học vừa phù hợp, khả thi đang chờ cấp trên phê duyệt. Nhà trường chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường*.* Quản lý tốt về hành chính, nhân sự, các hoạt động giáo dục, tài chính, tài sản. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tích cực phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

+ Mức 1:Số tiêu chí đạt yêu cầu:10/10; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10

+ Mức 2:Số tiêu chí đạt yêu cầu:10/10; số tiêu chí không đạt yêu cầu:0/10

+ Mức 3: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 1/5; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 4/5.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu:** Cán bộ quản lý nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ trên chuẩn, có năng lực, tận tụy, hết lòng với công việc, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và giúp đỡ tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn. Số lượng giáo viên, nhân viên của trường đảm bảo yêu cầu quy định và được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ giáo viên trong trường thực hiện tốt nên hàng năm có nhiều giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Thành phố.

Mối đoàn kết nội bộ trong nhà trường được đẩy mạnh và phát triển không ngừng. Tập thể Cán bộ – giáo viên – nhân viên trong trường nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau những khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống, điều đó thúc đẩy hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng vững mạnh.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý của nhà trường đều có đạt chuẩn theo quy định, đều có thời gian giảng dạy 10 năm trở lên đáp ứng theo đúng quy định của Điều lệ trường Trung học; Số năm dạy học của hiệu trưởng trên 37 năm, phó hiệu trưởng trên 12 năm dạy học. Trình độ chuyên môn của các hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt trình độ Cử nhân và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra Quyết định bổ nhiệm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởngđảm bảo các tiêu chuẩn theo Điều 18 của Điều lệ trường trung học. [H2-2.1-01].

b) Hàng năm đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư 29**/2009/TT-BGDĐT** (Năm học 2018- 2019 đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư 14/2018/TT – BGDĐT) được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đều đạt loại tốt, phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, đủ sức khoẻ theo yêu cầu. [H2-2.01-01].

+ Hiệu trưởng: Nguyễn Văn Tý **–** Tốt nghiệp Đại học sư phạm ngành Sử - Chính trị, Cao cấp chính trị**,** đã học lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và số năm dạy học là 37 năm và được Ủy ban nhân dân huyện bổ nhiệm vào tháng 9 năm 2002.

+ Phó Hiệu trưởng: Vũ Thị Hạnh **-** Tốt nghiệp Đại học sư phạm ngành Toán, Trung cấp chính trị**,** đã học lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục. [H2-2.1-01].

c) Để đáp ứng ngày càng cao yêu cầu đổi mới giáo dục hiệu trưởng, phó hiệu trưởng luôn được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý theo quy định. [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp được cấp trên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt. [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị đúng quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. [H2-2.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp được cấp trên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt. Phó hiệu trưởng có ít nhất 01 năm được đánh giá loại xuất sắc. [H2-2.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý nhà trường đã qua lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Hiệu trưởng đã tốt nghiệp cao cấp chính trị, Phó hiệu trưởng đã tốt nghiệp trung cấp chính trị, có năng lực tổ chức hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

**3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng kinh nghiệm trong quản lý nhà nước còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng để phát huy tối đa năng lực trong công tác quản lý, từ năm 2019 – 2020 tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng về chuyên môn và nghiệp vụ để tích lũy kinh nghiệm trong quản lý nhà nước.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có tổng số cán bộ - giáo viên là 48 người, trong đó có 02 cán bộ quản lý; 46 giáo viêntrên 25 lớp tỷ lệ 1, 84%, đảm bảo thực hiện tốt chương trình và các hoạt động giáo dục theo quy định Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. [H2-2.2-01].

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học. [H2-2.2-02], có 82,85 % trên chuẩn trình độ đào tạo [H2-2.2-03].

c) Trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Trong đó có 98% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt, 2% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá theo Thông tư 18/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H2-2. 2-03].

Mức 2:

a) Năm 2014 đến năm 2019, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dầnvà phát triển theo kế hoạch trường đề ra hằng năm. [H2-2.2-04].

b) Trong 05 liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên loại khá trở lên.[H2-2.2-03].

c) Cụ thể các giáo viên của trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh vào lớp 10 Trung học phổ thông, trung cấp nghề. [H2-2.2-05]. Trong 05 liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2- 06].

Mức 3:

a) Trong 05 liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, trường có 100%% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ loại khá trở lên. [H1-2.2-07].

b) Trong 05 liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, trường nhưng chưa thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, chỉ có các công trình đắp sa bàn và các mô hình dạy học. [H2-2.2-08].

**2. Điểm mạnh**

100% giáo viên đạt chuẩn và tỷ lệ trên chuẩn 82,85 %. Cơ cấu giáo viên đảm bảo theo quy định, giáo viên có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

**3. Điểm yếu**

Trong 05 liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, nhưng chưa thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học và thực hiện báo cáo nghiên cứu khoa học.

**5. Tự đánh giá:** ĐạtMức 2

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1.Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng căn cứ kinh nghiệm thực tiễn, năng lực, sở trường của từng giáo viên, nhân viên để phân công nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm các chức danh như cán bộ Thư viện, cán bộ Thiết bị để đảm nhiệm các hoạt động giáo dục của nhà trường. [H2-2.3-01].

b) Đầu năm học hiệu trưởng căn cứ văn bằng, giấy chứng nhận, năng lực, kinh nghiệm thực tế của từng nhân viên để ra quyết định phân công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực của từng nhân viên. [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

c) Hiệu trưởng tạo điều kiện tốt nhất: được hưởng tất các chế độ chính sách theo Luật lao động; phụ cấp nhân viên y tế; thực chế độ thai sản cho nhân viên nữ; được tham quan học tập; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; bố trí đúng vị trí việc làm; tăng thu nhập thêm…để tất cả nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao:

+ Năm 2014-2015: 6/6 nhân viên xếp loại khá.

+ Năm 2015-2016: 5/6 nhân viên xếp loại xuất sắc, 1/6 khá.

+ Năm 2016-2017: 5/6 nhân viên xếp loại xuất sắc, 1/6 khá.

+ Năm 2017-2018: 2 nhân viên xếp loại xuất sắc, 2/4 khá. và được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định.

+ Năm 2018-2019: 2 nhân viên xếp loại xuất sắc, 2 /4 khá. [H2-2.3-03].

Mức 2:

1. Số lượng, cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định gồm: 1 văn thư, 1

y tế, 1 kế toán, 1 thư viện; 1 thiết bị; 1 công nghệ thông tin; 1 thủ quỹ đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được phân công. [H2-2.3-01].

1. Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2014 đến năm 2019, không có nhân

viên bị kỷ luật. [H2-2.3-03].

Mức 3:

a) 1 nhân viên kế toán có trình độ đại học, 01 nhân viên y tế có trình độ trung cấp. Văn thư có giấy chứng nhận tập huấn công tác văn thư, chưa phù hợp với vị trí công việc [H2-2.3-02].

b) Hàng năm, nhà trường đều cử nhân viên tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Hiện nay cán bộ Y tế đang học lớp Y Sĩ. [H2-2.3-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhân viên tích cực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu**

- Nhân viên nhân viên văn thư - học vụ có trình độ và nghiệp vụ chưa phù hợp với vị trí công việc;

- Hằng năm, nhân viên văn thư- học vụ chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng yêu cầu các nhân viên văn thư - học vụtham gia các lớp theo vị trí việc làm để nâng cao trình độ, đáp ứng được với yêu cầu công tác trong giai đoạn hiện nay.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1 :

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3 :

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) 100% học sinh đảm bảo quy định về độ tuổi theo Điều 37 của Điều lệ trường trung học (kể cả học sinh dân tộc thiểu số) [H2-2.4-01].

b) 100% học sinh trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh: Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường đúng quy định. [H2-2.04-02].

c)Học sinh nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định: Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình[H2-2-4-03]; được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định theo Điều 37 của Điều lệ trường Trung học cơ sở; Được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định. [H2-2.4-04].

Mức 2:

Giáo viên chủ nhiệm phát hiện kịp thời học sinh vi phạm các hành vi không được làm được và phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, giáo viên bộ môn, tổ chức Đoàn- Đội và thông báo cụ thể đến phụ huynh để có hướng hỗ trợ học sinh khắc phục hạn chế, áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp để kịp thời giáo dục và có chuyển biến tích cực. [H2-2.4-05].

Mức 3:

Các em học sinh có học lực khá, giỏi, hạnh kiểm tốt được giáo viên chủ nhiệm bố trí làm cán bộ lớp, ngồi cạnh các em học sinh cá biệt, thành lập tổ, nhóm học tập, đôi bạn học tập, giúp đỡ học sinh yếu kém, tham gia các phong trào của trường, làm gương trong mọi hoạt động của lớp, trường từ đó tạo sự chuyển biến tích cực trong lớp, trong trường. [H2-2.4-05].

1. **Điểm mạnh**

Học sinh chăm ngoan, hiếu học, thực hiện tốt nhiệm vụ học sinh. Hằng

năm, trên 90% học sinh đạt hạnh kiểm tốt. Học sinh được hỗ trợ đầy đủ theo chế độ theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn học sinh chưa nổ lực phấn đấu vươn lên trong học tập.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 tăng cường tuyên truyền giáo dục học sinh bằng nhiều hình thức: lồng ghép trong tiết dạy Văn; sinh hoạt chủ nhiệm; sinh hoạt dưới cờ; sinh hoạt Đội; Hoạt động ngoài giờ lên lớp; Bản tin tuyên truyền, bồi dưỡng phương pháp tự học…nhằm hạn chế tối đa những học sinh chưa ngoan, chưa ý thức trong học tập.

Tăng cường phụ đạo học sinh yếu, kém trong học tập, cho đề kiểm tra mức độ vừa sức với năng lực học sinh dạng này. Mỗi đợt kiểm tra tập trung đều thống kê điểm riêng để động, viên khen thưởng kịp thời dù là những tiến bộ nhỏ nhất để các em nổ lực vươn lên trong học tập.

**5. Tự đánh giá**:Đạt Mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều nhiệt tình, tâm huyết và được đánh giá cao về năng lực quản lý, về mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều qua lớp bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ quản lý. Giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, cơ cấu, 100% đạt chuẩn đào taọ, tỉ lệ trên chuẩn, xếp loại chung theo chuẩn 100% từ loại khá trở lên, không có giáo viên, nhân viên bị xếp loại trung bình. Học sinh đúng độ tuổi, ngay cả học sinh dân tộc thiểu số, đảm bào các yêu cầu, quy định của Điều lệ và Pháp luật.

Tuy nhiên, trường còn một số khiếm khuyết cần hoàn thiện như viên chức phụ trách thư viện, chưa qua lớp đào tạo đúng chuyên ngành.

+ Mức 1:Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4

+ Mức 2: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4.

+ Mức 3: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/4; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 2/4

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:** Được sự quan tâm và giúp đỡ của các cấp lãnh đạo, trường được đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây mới theo Quyết định số 11472/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi với cơ sở khang trang, sạch đẹp, các trang thiết bị đồng bộ, hiện đại*.* Bên cạnh đó, cùng với sự cố gắng tự thân, nhà trường huy động mọi nguồn lực xã hội cùng chăm lo bảo quản, duy tu, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của giáo dục.

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

**Mô tả hiện trạng**

- Trường có diện tích 10. 246,51 m2. Diện tích bình quân 10.27 m2/ HS

[H3-3.1-01]. Khuôn viên thoáng mát, đảm bảo các yêu cầu về xanh, sạch, đẹp, an toàn. Cơ sở văn minh, sạch đẹp. [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

- Trường có cổng, biển tên, tường rào bao quanh theo quy định. Sân chơi, sân tập thể dục thể thao rộng rãi, sạch sẽ. [H3-3.1-04].

- Có sân chơi nhà tập TDTT đa năng, có trang bị hệ thống loa phát thanh. Có đường chạy (100 m), hố nhảy xa (12 m2). Có sân cầu lông: lưới và 2 cặp vợt. Sân bóng chuyền: lưới và có đường kẻ, bóng rổ: lưới bóng rổ, bóng bàn: có bộ, sân bóng đá mi ni có: cầu môn, đầy đủ thết bị và đảm bảo an toàn trong luyện tập thể dục, thể thao, vui chơi và đáp ứng các yêu tổ chức các hoạt động giáo dục khác của trường… [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04]; [H3-3.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Trường vừa được nâng cấp, xây mới (đưa vào sử dụng năm học 2014-2015) nên rất khang trang, sạch đẹp, đảm bảo các yêu cầu theo quy định. Có đầy đủ trang thiết bị hoạt động giáo dục.

Hiệu trưởng đề ra nhiều biện pháp: thường xuyên bảo quản, duy tu, nâng cấp bảo quản, sử dụng hợp lý, hiệu quả cơ sở vật chất nên không xuống cấp, hư hại.

**3. Điểm yếu**

Hệ thống cây xanh trong khuôn viên trường còn nhỏ, chưa đủ bóng mát cho học sinh vui chơi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2020 hiệu trưởng thuê người chăm sóc, trồng thêm cây bóng mát, cây cảnh trong sân trường và ngoài cổng trường và tu bổ, tôn tạo cơ sở vật chất đáp ứng hoạt động dạy và học.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3

**Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập**

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2 :

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3 :

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

**1.Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường được sửa chữa, nâng cấp và xây mới nên số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học, bảng trong lớp học đảm bảo quy định của Điều lệ trường trung học và của Bộ Y tế, có 624 bộ bàn ghế, có tăng đưa phù hợp với tầm vóc học sinh, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học; kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh, giáo viên, bảng đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học 2 ca trong một ngày. [H3-3.2-01].

b) Trường có 26 phòng học, 10 phòng học bộ môn: Hóa, Lý, Sinh, Nhạc, Họa, Lab, Dinh dưỡng, Tin học (2 phòng) các phòng học có bàn, ghế học sinh, giáo viên, bảng, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. [H3-3.1-04].

c) Khối phục vụ học tập gồm có 01 phòng hoạt động Đoàn - Đội, 01 thư viện, 01phòng truyền thống, phòng y tế khang trang, sạch đẹp đảm bảo hoạt động của nhà trường và đúng quy định. [H3-3.1-04].

Mức 2 :

a) Trường có 26 phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.1-04].

b) Khối phục vụ học tập có phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng kế toán tài vụ; phòng giáo vụ; phòng Y tế, các phòng bộ môn... đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định. [H3-3.1-04].

Mức 3 :

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. [H3-3.2-01], chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt.

**2. Điểm mạnh**

Trường mới xây nên cơ sở vật chất, phòng học, phòng bộ môn đúng quy định, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, đạt tiêu chuẩn đáp ứng hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, chưa có phòng học dành cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm 2020, Hiệu trưởng tham mưu Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp kinh phí trang bị thêm phòng học dành cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị**

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1.Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khối hành chính – quản trị có 13 phòng gồm 1 phòng hiệu trưởng; 01 phòng phó hiệu trưởng; 01phòng hành chánh; 01 phòng giám thị; 01 phòng giáo viên; 01 phòng giáo vụ; 01 phòng kế toán tài vụ; 01 phòng Công đoàn; 01 phòng Đoàn – Đội; 01 phòng tư vấn tâm lý; 01 phòng truyền thống; 01 phòng y tế đáp ứng hoạt động của trường. [H3-3.1-04].

b) Trường có 1 nhà xe giáo viên và 1 nhà xe học sinh, đều có mái che, rộng rãi, thoáng mát, bố trí hợp lý đảm bảo đảm an toàn, trật tự. [H3-3.1-04],

c) Hàng tháng, quý nhà trường tiến hành kiểm tra, sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị như: Máy vi tính, máy in, máy lạnh, máy photo... [H3-3-3-01]; H3-3-3-02].

Mức 2:

Khối hành chính – quản trị đúng theo qui định, trường có 01 phòng nghỉ giáo viên 6 giường 02 quạt, 1 máy lạnh đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn cho giáo viên, nhân viên. [H3-3.3-03].

Mức 3:

Trường có 12 máy tính văn phòng, 60 máy tính để dạy, 100% kết nối Internet, đều có WIFI kết nối 24/24 nhằm phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Trường có 07 máy in phun, chưa có máy photo, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phục của nhà trường, khối hành chính - quản trị chưa có đầy đủ các thiết bị hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh**

- Trường có phòng nghỉ trưa đảm bảo sức khỏe cho giáo viên;

- Có đầy đủ phòng học, phòng chức năng; khối hành chính- quản trị.

**3. Điểm yếu**

- Chưa có máy photo, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phục của nhà trường;

- Khối hành chính - quản trị chưa có đầy đủ các thiết bị hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dụ và Đào tạo cấp kinh phí mua sắm thêm trang thiết bị đáp ứng yêu cầu phục vụ các hoạt động của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1.Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 01 khu nhà vệ sinh cho giáo viên riêng biệt nam, nữ và 04 khu nhà vệ sinh cho học sinh riêng biệt nam, nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, không ô nhiễm, thuận tiện. **[**H3-3.1-02]. Nhà trường hợp đồng với Công ty vệ sinh dọn dẹp hàng ngày, đảm bảo khuôn viên nhà trường nhất là nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. **[**H3-3.4-01];

b) Nước dùng để sinh hoạt là nước sạch của xã nông thôn mới [H3-3.4-02]. Nguồn nước uống là nước tinh khiết đóng chai hiệu Thượng Hảo (Bình dương). [H3-3.4-03]. Trường có hệ thống thoát nước nội bộ đấu nối với hệ thống thoát nước bên ngoài, sân trường không bị ứ nước. [H3-3.4-04].

c) Nhà trường hợp đồng thu gom rác, không để tồn ứ rác trong nhà trường, các thùng rác có nấp đậy đảm bảo các yêu cầu vệ sinh, đúng quy định. [H3-3.4-05].

Mức 2:

a) Khu nhà vệ sinh thuận tiện, có vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, không ô nhiễm, đúng qui định. **[**H3-3.1-02].

b) Có hệ thống cấp nước sạch. [H3-3.4-02], hệ thống cống ngầm thoát nước. [H3-3.4-04], thu gom rác [H3-3.4-05], đúng quy định Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo tiêu chuẩn công sở văn minh sạch đẹp, “Môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn”. Đặc biệt trường không rác, nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, môi trường thân thiện với học sinh; thống thoát nước nội bộ đấu nối với hệ thống thoát nước bên ngoài, sân trường không bị ứ nước; thu gom rác, không để tồn ứ rác trong nhà trường, các thùng rác có nấp đậy đảm bảo các yêu cầu vệ sinh, đúng quy định.

**3. Điểm yếu**

Do địa bàn xã quá rộng nên việc thu gom rác thực hiện chưa đúng hợp đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020, hiệu trưởng hợp đồng chặt chẽ với Công ty thu gom rác của huyện thực hiện đúng hợp đồng và có chế độ xử phạt theo hợp đồng nếu vi phạm.

**5. Tự đánh giá**:Đạt Mức 2

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1.Mô tả hiện trạng**

a) Trường có 12 máy tính văn phòng, 60 máy tính để dạy, Trường còn có 07 máy in phun, 1 máy photo, 1 bảng tương tác đáp ứng tốt yêu cầu phục các hoạt động của nhà trường. Có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ hiệu quả các hoạt động nhà trường. [H3-3.3-02]; [ H3-3.2-02].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]. Giáo viên đăng ký sử dụng thiết bị dạy học trước 1 tuần, cán bộ phụ trách thiết bị chuẩn bị trước đến khi lên lớp giáo viên đến lấy và sử dụng, ký nhận, ký trả rõ ràng, cụ thể, chính xác [H3-3.5-03]. Trong giảng dạy, tất cả giáo viên thực hiện đúng yêu cầu về trang thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp, thực hiện tốt việc tự làm đồ dùng dạy học, cán bộ thiết bị phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức Hội thi làm đồ dùng dạy học cấp trường, triển lãm, trưng bày và tuyển chọn tham gia Hội thi cấp huyện, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

c) Hằng năm, định kỳ nhà trường kiểm kê, sửa chữa, mua sắm nâng cấp, tự làm bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của việc đổi mới phương pháp giảng dạy. [H3-3.5-06]; [H3-3.2-02].

Mức 2:

a) Trường có 02 đường truyền Internet cáp quang, hệ thống máy tính của Cán bộ quản lý, văn phòng, thư viện, phòng Tin học đều được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

b) Phòng thiết bị có đủ thiết bị đủ đồ dùng dạy học theo quy định. [H3-3.5-01];[H3-3.5-02]

c) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm kê, rà soát, đánh giá việc bảo quản và sử dụng đồ dùng, thiết bị để có kế hoạch bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm. [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06].

Mức 3:

Phòng thí nghiệm đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả. Tuy nhiên, thiết bị dạy học tự làm còn ít. [H3-3.5-04].

**2. Điểm mạnh**

Hoạt động phòng thiết bị bảo đảm đủ số lượng đồ dùng dạy học cho giáo viên lên lớp. Có các biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả các thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học. Nhân viên thiết bị thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của các cấp, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

**3. Điểm yếu**

Một số đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên còn chưa chú trọng tính thẩm mỹ; còn ít. Thiết bị dạy học tự làm chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Hiệu trưởng giao Công đoàn và bộ phận thi đua có kế hoạch đẩy mạnh phong trào làm đồ dùng dạy học.

- Hiệu trưởng đưa việc sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học vào thang điểm thi đua trong các năm học tiếp theo.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hàng năm, đều được bổ sung sách, báo và tài liệu, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. [H3-3.6-01]; H3-3.6-02].

1. Thư viện trưng bày sách khoa học, giới thiệu sách mới với bạn đọc,

cán bộ thư viện phối hợp với Tổ Ngữ Văn tổ chức cho các lớp đọc sách tại thư viện, Tổng phụ trách phối hợp với cán bộ thư viện tổ chức Hội thi kể chuyện theo sách hàng năm. [H3-3.06-03]. Hệ thống công nghệ thông tin tại thư viện được kết nối internet dùng chung cho giáo viên và học sinh. Trang thông tin điện tử nhà trường được thường xuyên cập nhật thông tin của trường và ngành, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và các hoạt động dạy học và quản lý. [H3-3.6-02].

c) Hàng năm, Thư viện mua sắm bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo, đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tiến hành kiểm kê, rà soát, kiểm tra công tác thư viện. [H3-3.6-04].

Mức 2:

Thư viện đạt tiêu chuẩn, thư viện xuất sắc, thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H3-3.6-01].

Mức 3:

Thư viện nhà trường đạt loại xuất sắc. [H3-3.6-01]. Hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu dạy, học và quản lý nhà trường, có 3 máy tính phục vụ nhu cầu nghiên cứu giảng dạy, 100% kết nối Internet, có WIFI kết nối 24/24 nhằm phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giáo viên và học sinh. [H3-3.6-02]; [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02];

**2. Điểm mạnh**

- Thư viện khang trang, rộng rãi thoáng mát, đầy đủ ánh sáng, trang máy vi tính kết nối Internet, số lượng đầu sách dồi dào, phong phú, đa dạng, thường xuyên được cập nhật, bổ sung đầu sách mới đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động dạy và học.

- Cán bộ thư viện vững chuyên môn, nhiệt tình, tâm huyết, có nhiều hoạt động phong phú, hấp dẫn, hỗ trợ tốt mục tiêu giáo dục toàn diện của nhà trường.

- Thư viện nhiều năm liền đạt chuẩn và danh hiệu Thư viện tiên tiến, xuất sắc.

**3. Điểm yếu**

Viên chức phụ trách thư viện chỉ qua các lớp bồi dưỡng, chưa qua đào tạo đúng chuyên ngành nên còn hạn chế trong công tác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện, lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo tuyển viên chức đào tạo đúng chuyên ngành thư viện vào năm học 2019 – 2020.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3**

Trường mới xây nên cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, đạt tiêu chuẩn. Nhà trường có biện pháp tốt nhằm bảo quản tài sản, huy động mọi nguồn lực nhằm bổ sung, tăng cường thêm các trang thiết bị. Thư viện khang trang, rộng rãi thoáng mát, đầy đủ ánh sáng, trang bị đủ máy vi tính, kết nối Internet, số lượng đầu sách dồi dào, phong phú, đa dạng, thường xuyên được cập nhật, bổ sung đầu sách mới đáp ứng tốt yêu cầu.

Cán bộ phụ trách thư viện tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nên có ảnh hưởng nhất định đến chất lượng công tác.

+ Mức 1: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6

+ Mức 2: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6.

+ Mức 3: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 1/5; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 4/5

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**: Nhà trường được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của Cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả của ban ngành đoàn thể đặc biệt là sự tin yêu, giúp đỡ của nhân dân, của phụ huynh học sinh. Việc phối hợp nhịp nhàng giữa nhà trường và Ban Đại diện Cha mẹ học sinh đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác vận động xã hội hóa hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học. Ngoài ra mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân và chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn ngày càng phát triển. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của trường trong những năm qua.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường đều tiến hành họp cha mẹ học sinh bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và trường; Ban đại diện cha mẹ học sinh trường gồm 25 thành viên đúng quy định theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. **[**H4-4.1-01].

b) Trong Đại hội cha mẹ học sinh thông qua Kế hoạch và Nghị quyết hoạt động trong từng năm học được sự đồng thuận và thống nhất cao của đại biểu. [ H4- 4 .1-02].

c) Hiệu trưởng luôn tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện kế hoạch hoạt động, đầu năm, cuối học kỳ, cuối năm hiệu trưởng họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh để tiếp thu góp ý của cha mẹ học sinh, giải quyết kiến nghị, thắc mắc của phụ huynh các lớp; Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động đúng tiến độ. [ H4- 4.1-02]; [ H4- 4 .1-03].

Mức 2:

Ban Đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học, hỗ trợ kinh phí cho hoạt động tham quan trải nghiệm, phát học bổng cho học sinh nghèo, hiếu học, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng học sinh cuối năm. [H4- 4.1-04]. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động phụ huynh và các em học sinh chấp hành Luật giao thông khi đưa học sinh đến trường phải đội nhón bảo hiểm cho các em, làm cam kết chấp hành Luật giao thông; vận động mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn… [H4- 4.1-03]; huy động học sinh đến trường vào đầu năm học, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp... [H4- 4.1-05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với các lực lượng xã hội để chung sức chăm lo cho giáo dục, vận động mạnh thường quân phát học bổng cho học sinh nghèo đạt hiệu quả chưa cao. [H4- 4.1-04]. Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất với cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. [H4- 4.1-05]; [H4- 4.1-06].

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh tâm huyết, am hiểu giáo dục, luôn kề vai sát cánh, đồng cam cộng khổ cùng nhà trường trong giáo dục con em mình. Ban đại diện Cha mẹ học sinh hoạt động tích cực góp phần giảm tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học.

**3. Điểm yếu**

Công tác phối hợp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với các lực lượng xã hội cùng chung sức chăm lo cho giáo dục, vận động mạnh thường quân phát học bổng cho học sinh nghèo, hiếu học đạt hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Năm học 2019- 2010, Ban đại diện cha mẹ học sinh chủ động phối hợp các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể của địa phương; các mạnh thường quân; các doanh nghiệp đóng trên địa bàn của xã, huyện, thành phố; các thế hệ học sinh thành đạt của trường cùng chung sức giúp đỡ cho học sinh nghèo, hiếu học…

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1.Mô tả hiện trạng**

1. Là Bí thư Chi bộ, hiệu trưởng nhà trường nên có lợi thế chủ động và thường xuyên tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để được hỗ trợ an ninh, trật tự trước cổng trường, phối hợp với chính quyền địa phương, Công an xã đảm bảo an ninh, trật tự nhà trường, tránh tình trạng kẹt xe trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ ra về, ngăn chặn tình trạng trấn lột học sinh, bạo lực và các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường. [H4-4.2-01], ngoài ra tham gia với địa phương xây dựng môi trường giáo dục an toàn lành mạnh, nhằm ngăn chặn kịp thời tình trạng ma túy xâm nhập học đường, kịp thời phát hiện các hiện tượng trấn lột và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

b) Tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục của nhà trường về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước thông qua các phiên họp phụ huynh, giao ban hàng tuần với ban nhân dân các ấp… [H4-4.1-03].

c) Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học: Huy động nguồn lực cho công trình dạy và học; khen thưởng học sinh; hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học; trang hoàng trang trí xây dựng trường chuẩn quốc gia; công trình lát gạch trước các phòng học; gắn quạt cho các lớp…[ H4-4.1-04] . Tổng số tiền huy động từ nguồn lực xã hội từ 2014-2019:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014 -2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Trị giá nguồn lực huy động | 16.400.000 | 95.170.000 | 33.600.000 | 39.300.000 | 48.331.000 |

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền hỗ trợ trường duy trì sĩ số. [H4-

4.2-04]; huy động học sinh ra lớp. [H4-4.2-05]; phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. [H4-4.2-06], tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược và phát triển.

b) Phối hợp với xã Đoàn, Hội cựu chiến binh tổ chức giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc như: Tham quan tìm hiểu, viếng bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Trần Văn Chẩm, Nguyễn Văn Lịch…[H4-4.2-04]; [H4-4.2-05]. Đăng ký và tổ chức thực hiện Chăm sóc Bia tưởng niệm Trần Văn Chẩm, thăm viếng, tặng quà, làm công tác Trần Quốc Toản, chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng, Mẹ liệt sĩ già yếu neo đơn, thương bệnh binh và các địa chỉ đỏ khác. [H4-4.2-06].

Mức 3:

Nhà trường đã chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng nhà trường an toàn, đảm bảo sức khỏe học sinh. [H4-4.2-07], Chủ động xây dựng Quy chế phối hợp với Công an nhằm đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài khuôn viên nhà trường. [H4-4.2-02]. Nhà trường phối hợp với Ban an toàn giao thông huyện tổ chức các lớp tuyên truyền Luật giao thông, triển lãm ảnh về an toàn giao thông [H4-4.2-01]. Phối hợp phụ huynh trong việc quản lý và giáo dục đạo đức học sinh [H4-4.2-03]. Nhà trường tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, khám sức khỏe định kỳ, khám và phát kính miễn phí, truyền thông về mắt và các tật khúc xạ về mắt [H4-4.2-07], về ma túy – HIV – AIDS, về giới và bình đẳng giới phối hợp với Phòng Lao động và Thương binh xã hội thực hiện Dự án SCI…[H4-4.2-08]. Công tác tham mưu, phối hợp các đoàn thể chưa thường xuyên, liên tục, nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**2. Điểm mạnh**

- Nhà trường được sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, sự tin tưởng và ủng hộ của nhân dân. Nhận thức của các cấp chính quyền, nhân dân về công tác giáo dục từng bước được chuyển biến.

**3. Điểm yếu**

Công tác tham mưu, phối hợp các đoàn thể chưa thường xuyên, nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương đặc biệt là công tác phối hợp các tổ chức đoàn thể để xây dựng nhà trường từng bước trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường được sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự ủng hộ nhiệt tình và phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả của các tổ chức đoàn thể xã hội, sự yêu thương, tin tưởng và ủng hộ của nhân dân. Cha mẹ học sinh đa số quan tâm đến việc học tập của con em, quý trọng, tin tưởng thầy cô, tự hào về truyền thống nhà trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh tâm huyết, am hiểu giáo dục, luôn kề vai sát cánh, đồng cam cộng khổ cùng nhà trường trong giáo dục con em.

Chưa huy động hết mọi nguồn lực của xã hội hỗ trợ cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

+ Mức 1: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2

+ Mức 2: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2.

+ Mức 3: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 0/2; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 2/2

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu**: Hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các qui định khác của ngành bao gồm rất nhiều lĩnh vực, như xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy, tổ chức thực hiện kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ năm học. Thông qua Hội nghị Cán bộ - Công chức hằng năm, nhà trường đề ra nhiều biện pháp tích cực để đẩy mạnh công tác giảng dạy, công tác phổ cập giáo dục cũng như các hoạt động giáo dục, hoạt động đoàn thể xã hội. Nhà trường luôn chỉ đạo các tổ chuyên môn thường xuyên rà soát các biện pháp nhằm không ngừng cải tiến hoạt động giảng dạy của giáo viên; phối hợp các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục. Việc đảm bảo chương trình giảng dạy và tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là thước đo đánh giá chất lượng nhà trường, nhờ đó chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng nâng lên. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh cũng đạt nhiều thành tích khả quan. Trường là một trong những đơn vị dẫn đầu về số lượng học sinh giỏi cấp huyện. Hạnh kiểm của học sinh toàn trường luôn ổn định và từng bước nâng cao. Bên cạnh đó, kết quả giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp cũng đạt được thành tích tốt, góp phần quan trọng vào thành tích chung của nhà trường.

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ Kế hoạch hoạt động chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ Kế hoạch hoạt động chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, căn cứ tình hình thực tiễn tại đơn vị, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần; tổ chức dạy dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục **[**H5-5.1-01].

b) Bộ phận chuyên môn và toàn thể giáo viên quán triệt tinh thần phải đảm bảo chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng, liên hệ thực tế khi dạy học, học đi đôi với hành, dạy học thông qua hoạt động, dạy học theo phương pháp tích hợp và tích cực, người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình dạy-học, thầy chỉ là người tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ, bên cạnh đó, nhà trường chú trọng thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh, bồi dưỡng phương pháp tự học, trong quá trình dạy học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.11.5-02].

c) Nhà trường cũng rất quan tâm đến việc đổi mới kiểm tra, đánh giá, đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh gia, đảm bảo khach quan,ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin trong dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập; hướng dẫn học sinh học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-02].

Mức 2

a) Nhà trường luôn thực hiện đúng kế hoạch, chương trình, thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định, không cắt xén chương trình, luôn đảm bảo khung chuẩn kiến thức do Bộ quy định, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. [H1-5.1-03].

b) Căn cứ chất lượng giáo dục cuối năm, trường đánh giá, phân loại học sinh giỏi, yếu, kém từ đó có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. [H5-5.1-04]. Nhà trường tổ chức các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém. [H5-5.1-04]. Tổ chức lớp ôn tập hè, đồng thời giúp đỡ, phụ đạo, lấy lại căn bản cho học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H5-5.1-06].

Mức 3:

Định kỳ, từng học kỳ, cả năm Hiệu trưởng rà soát, đánh giá, phân tích các biện pháp, giải pháp, từ đó bổ sung điều chỉnh nội dung, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã định và nâng cao chất lượng dạy-học. [H5-5.1-07].

**2. Điểm mạnh**

- Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục; có kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém và tổ chức thực hiện nghiêm túc;

- Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm cho học sinh;

- Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Hàng năm có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**3. Điểm yếu**

Các hoạt động kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn chưa được thực hiện đều đặn hàng tháng, chỉ tập trung ở các đợt thi đua cuối kỳ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục dạy học đúng đủ các môn học và các hoạt động giáo dục. Vận dụng tốt các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy.Trong năm học 2019-2020, nhà trường thường xuyên tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng, phong phú hơn. Thường xuyên hàng tháng tiến hành kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tổ chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm, trường tổ chức kiểm tra khảo sát chất lượng nhằm đánh giá, phân loại học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục cụ thể riêng cho từng đối tượng. [H5-5.1-04].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện đúng kế hoạch giáo dụccho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu, hướng tới mục tiêu bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu đồng thời giúp đỡ, phụ đạo, lấy lại căn bản cho học sinh yếu, kém. [H5-5.1-05].

c) Sau mỗi học kỳ, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá nhằm cải tiến, nâng chất hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi; giúp đỡ học sinh yếu, kém; học sinh có hoàn cảnh khó khăn; học sinh có năng khiếu; học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện làm cho hoạt động này ngày càng hiệu quả hơn[H5-5.1-07].

Mức 2:

Nhà trường hỗ trợ miễn, giảm học phí, cấp học bổng, tặng quần áo, sách vở tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tham gia học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện thông qua các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém, các buổi sinh hoạt đội, các tiết hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các buổi cắm trại, dã ngoại và picnic, Tổng phụ trách Đội, Ban Chỉ huy Liên đội và giáo viên chủ nhiệm phổ biến kiến thức, kỹ năng về một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian cho đội viên, đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Mức 3:

Nhằm thiết thực lập thành tích chào mừng các sự kiện chính trị trọng đại, các ngày lễ lớn, nhà trường thường tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian cho học sinh trong và ngoài trường. Các hoạt động như: diễn đàn tuổi thơ, Lễ hội trăng rằm, Nét vẽ xanh…Hội thao: bóng đá, cờ tướng, chạy ngắn, nhảy xa, chạy lượn vòng, đua xe đạp chậm…Trò chơi dân gian: kéo co … [H5-5.2-03].

+ Năm học 2015 – 2016 có: 06 học sinh đạt giải cấp huyện hội thi nét vẽ xanh; 01 học sinh đạt Giải Nhì môn Điền kinh, 7 học sinh đạt Giải Nhất võ thuật Vovinam, 01 học sinh đạt Gải Nhì võ thuật Vovinam, 01 học sinh đạt Giải Ba võ thuật Vovinam; 01 học sinh đạt giải khuyến khích trong cuộc thi Chỉ huy đội giỏi. Giải Nhì nấu ăn, làm thiệp đạt giải khuyến khích cấp huyện, thi kể chuyện sách năm học 2018-2019 đạt Giải Nhất cấp cụm; Nhất cấp huyện; điền kinh năm 2017-2018 đoạt 01 huy chương vàng, 01 huy chương bạc [H5-5.2-03]. Năm học 2018 – 2019 có: 03 học sinh đạt giải: 01 huy chương vàng, 1 bạc, 1 đồng hội thi Olympic tháng 4 ( Lần 1). [H5-5.2-04]. Có học sinh năng khiếu vế các môn học Văn,Toán,Tiếng Anh, Lý, Hóa, Sinh, Sử Địa…[H5-5.2-05].

**2. Điểm mạnh**

- Nhiều học sinh đạt kết quả cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, thành phố các môn học, thể thao được cấp có thẩm quyền ghi nhận..

- Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có năng lực tích cực tham gia công tác phụ đạo học sinh yếu và bồi dưỡng học sinh giỏi.

**3. Điểm yếu**

Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém: nội dung nhiều, thời gian dài, kinh phí không thu của phụ huynh nên cũng gặp nhiều khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng tuyên truyền, vận động đội ngũ nhất là lực lượng xung kích trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém trên tinh thần tự nguyện, vô tư vì lòng yêu nghề, yêu trẻ, vì lương tâm trách nhiệm, vì màu cờ sắc áo, truyền thống nhà trường, không so đo tính toán, đòi hỏi;

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội, sự đóng góp, chia sẻ, hỗ trợ của các Mạnh Thường Quân, của Ban đại diện cha mẹ học sinh nhằm bù đắp một phần công cho thầy cô làm công tác này;

- Tiếp tục đưa công sức đóng góp, thành tích bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu thành tiêu chí thi đua, tiêu chí phân tích chất lượng đoàn viên, đảng viên, tăng thu nhập thêm...

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3

**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý

luận với thực tiễn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trong kế hoạch nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn đều có nội dung giáo dục địa phương cho học sinh và được thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra (Truyền thống quê hương Đất thép-Thành đồng, xã anh hùng, Anh hùng liệt sĩ Trần Văn Chẩm – Nguyễn Văn Lịch...) [H5-5.3-01]; [H4-4.2-06].

b) Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định, đảm bảo khách quan và hiệu quả thể hiện các đề qua kiểm tra học kỳ đều có câu hỏi về lịch sử địa phương, được đưa vào giảng dạy môn lịch sử, giáo duc công dân…Thời gian đánh giá thường diễn ra vào cuối học kỳ, cuối năm, tổng kết hè, phương thức đánh giá chủ yếu điểm, rà soát, rút kinh nghiệm, biểu dương, nhân rộng điển hình [H5-5.3-02].

c) Hằng năm có rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương, sưu tầm, biên soạn cho phù hợp nội dung. [H5-5.3-02].

Mức 2 :

Thông qua các môn học Văn, Sử, Địa, Giáo dục công dân, Hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt Đội, sinh hoạt chủ nhiệm, giáo viên lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào giảng dạy, tài liệu chủ yếu là gương người thật, việc thật: các Mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang; Anh hùng lao động trên địa bàn xã, huyện, thành phố; văn thơ về truyền thống yêu nước, anh hùng của xã, huyện, thành phố) phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn, đúng với kế hoạch năm học. [H5-5.3-01]. Giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc như: Tham quan tìm hiểu di tích lịch sử Đền Hùng, thăm bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Trần Văn Chẩm, Nguyễn Văn Lịch…[H4-4.2-04]; [H4-4.2-05]. Đăng ký và tổ chức thực hiện chăm sóc Bia tưởng niệm Trần Văn Chẩm, thăm viếng, tặng quà, làm công tác Trần Quốc Toản, chăm sóc Mẹ VNAH, Mẹ liệt sĩ già yếu neo đơn, thương bệnh binh và các địa chỉ đỏ khác. [H4-4.2-06].

**2. Điểm mạnh**

- Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh phù hợp với mục tiêu môn học.

- Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả, nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các tiết giảng dạy đảm bảo theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.Giáo viên thường xuyên cập nhật nội dung giáo dục địa phương trong giáo án cho phù hợp với thực tiễn.

**3. Điểm yếu**

Tài liệu về địa phương chưa phổ biến rộng rãi, giáo viên phải tự sưu tầm và học sinh cũng ít có cơ hội để tiếp cận.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Hiệu trưởng chỉ đạo cho giáo viên bộ môn Sử, bộ phận Đoàn - Đội tăng thời lượng cho hoạt động giáo dục địa phương, tích cực tổ chức cho học sinh tham quan, học tập các vấn đề của địa phương thông qua các chương trình như: hành trình về nguồn, thăm các di tích lịch sử, văn hóa, giao lưu với các nhân chứng ở quê hương.

- Các tổ chuyên môn tiếp tục rà soát và cập nhật tài liệu về giáo dục địa phương của cấp trên ban hành và khai thác các nội dung về giáo dục địa phương thông qua sách báo, mạng Internet trong nội dung giảng dạy của tổ mình và cán bộ quản lý sẽ kiểm tra, đánh giá vào cuối mỗi năm học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường đã đề ra kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường, vận động, tuyên truyền trong phụ huynh và học sinh hiểu được tầm quan trọng của việc trải nghiệm thực tiễn và hướng nghiệp. [H5-5.4-01].

b) Nhà trường tiến hành tổ chức cho các em hoạt động trải nghiệm và tổ chức hướng nghiệp đúng kế hoạch đề ra. [H5-5.4-02]. Tỷ lệ học sinh tham gia học nghề luôn đạt trên 80% trên tổng số học sinh thuộc đối tượng học nghề. Tuy nhiên còn một số em có tham gia học nhưng không thi nghề.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ học sinh học nghề | 169/169  (100%) | 185/185  (100%) | 202/202  (100%) | 201/201  ( 100%) | 232/232  (100%) |

[H5-5.4-03]

Kết quả xếp loại học nghề: Loại trung bình trở lên luôn đạt trên 90% theo quy định.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ học sinh đạt kết quả  học nghề  trung bình  trở lên | 98,76% | 96,72% | 100% | 98,63% | 95,6% |

[H5-5.4-04]

1. Kế hoạch phân công giáo viên chủ nhiệm lập danh sách học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; bộ phận tài vụ lập dự toán, tổ chức thu chi để hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện đúng thời gian theo kế hoạch. [H5-5.4-05].

Mức 2:

a) Nhà trường đã tổ chức cho học sinh tiếp cận, tham quan học tập, trải nghiệm các ngành nghề truyền thống: Hoa lan cây kiểng, bò sữa, dạy chương trình hướng nghiệp theo quy định, trải nghiệm tại khu Nông nghiệp Công nghệ cao huyện Củ Chi… Đây vốn là những nghề phát triển khá ổn định trên địa bàn xã Phước Vĩnh An trong thời gian qua và trong tương lai gần. [H5-5.4-05]. Phối hợp với các trường Cao Đẳng, Trung cấp nghề tư vấn nghề nghiệp cho học sinh giúp các em có định hượng hướng, chọn lựa nghề nghiệp phù hợp cho tương lai. Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với chưa đa dạng các hình thức phong phú phù hợp học sinh và chưa đạt kết quả thiết thực. [H5-5.4-06].

b) Hằng năm, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H5-5.4- 02].

**2. Điểm mạnh**

- Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được giáo viên tham gia nhiệt tình, tâm huyết, hết lòng vì chức trách, nhiệm vụ, vì học sinh thân yêu.

- Nhà trường đã tổ chức họat động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của nhà trường. Phối hợp với các trường Cao đẳng, trung cấp đào tạo nghề tư vấn, định hướng nghề nghiệp *g*iúp học sinh xác định được việc học tập chương trình phổ thông hoặc học nghề sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở theo đúng quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo. Nhằm giúp học sinh định hướng được nghề nghiệm trong tương lai.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn hiện tượng học sinh không tham gia hoạt động trải nghiệm, học nghề hoặc có học nhưng không thi.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm khối 8 tăng cường tuyên truyền vận động sâu rộng hơn nữa trong học sinh, phụ huynh để phụ huynh và các em thấy được ích lợi của việc học nghề, các em tự nguyện, tự giác tham gia.

- Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tăng cường tuyên truyền, thuyết phục trong phụ huynh về ích lợi của việc học nghề, các hoạt động trải nghiệm, tạo điều kiện tốt nhất cho con em tham gia học nghề đầy đủ và đạt kết quả cao.

- Có cơ chế tôn vinh, tuyên dương, tưởng thưởng những em học sinh đạt thành tích cao trong học nghề.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 2

**Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh**

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ thực tế của địa phương và trường, hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho các em học sinh, kế hoạch được thực hiện theo mốc thời gian và phân công trách nhiệm từng giáo viên cụ thể. [H5-5.5-01].

b) Thông qua các hoạt động giảng dạy chính khóa, các hoạt động ngoại khóa, dã ngoại, các tiết Hoạt động ngoài giờ lên lớp và sinh hoạt đội: giáo dục các kỹ năng giao tiếp, tự nhận thức, ra quyết định, đặt mục tiêu, ứng phó, kiềm chế, hợp tác và làm việc theo nhóm, an toàn giao thông, phòng chống đuối nước, xếp hàng, tự bảo vệ… Qua đó giúp các em tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật. [H5-5.5-02].

c) Hoạt động giáo dục và tư vấn về sức khoẻ thể chất và tinh thần, giới tính, tình yêu, gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh được lồng ghép trong các môn học có liên quan như Sinh học, Giáo dục công dân, tiết sinh hoạt chủ nhiệm từng bước tạo sự chuyển biến tích cực về đạo đức, lối sống tạo thói quen biết cám ơn khi nhận quà, biết chào hỏi kính trọng người cao tuổi. biết tự bảo vệ mình nhất là các em nữ, hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động giáo dục. … [H1-1.10-11].

Mức 2:

a) Giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện: cho nhận xét bài làm của mình và của bạn; tự tính điểm trung bình môn, trung bình học kỳ, cả năm, tự xếp loại học lực, hạnh kiểm của mình, của bạn theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, từ đó học sinh xác định mục tiêu cụ thể trong học tập và rèn luyện. [H1-1.8-04]; [H1-1.8-06]; [H1-1.5-02].

b) Học sinh biết cách giao tiếp ứng xử, biết điều chỉnh, quản lý cảm xúc trong môi trường học đường, với bố mẹ, người lớn tuổi; có thể tự phục vụ bản thân trong cuộc sống, biết quản lý thời gian học tập và sinh hoạt có hiệu quả. Từng bước vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản của các bộ môn văn, toán, lý, hóa, sinh để giải thích các hiện tượng trong tự nhiên, xã hội. [H5-5.5-03].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch và phát động tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, khéo tay kĩ thuật ở các bộ môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, địa để bước đầu giúp học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của giáo viên và thông qua các hoạt động này bước đầu giáo viên tạo cho các em say mê nghiên cứu khoa học, công nghệ …. Tuy nhiên, học sinh chưa có tham gia các hội thi nghiên cứu khoa học công

nghệ. [H5-5.5-04].

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

Học sinh có chưa có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn, chưa tham gia hội thi nghiên cứu khoa học công nghệ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Nhà trường phối kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội đoàn thể trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh tốt hơn về kỹ năng sống phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa Việt Nam. Tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh thông qua các môn học và giờ học ngoại khoá.

- Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dạy cho học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ, tổ chức hội thi nghiên cứu khoa học, công nghệ cấp trường để chọn các công trình chất lượng tham gia hội thi nghiên cứu khoa học công nghệ cấp huyện, thành phố.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Học sinh có truyền thống chăm ngoan hiếu học. Tỷ lệ học sinh xếp loại khá, tốt về hạnh kiểm luôn đạt trên 90%; đạt yêu cầu theo kế hoạch của trường và có khuynh hướng năm sau cao hơn năm trước. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ hạnh kiểm xếp loại khá, tốt | 100% | 99,75% | 99,88% | 99,2% | 99,8% |

[H5-5.6-01].

b) Tỷ lệ học lực học sinh Trung bình;Khá; Giỏi ( lên lớp) đạt kế hoạch trường đề ra.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ học lực học sinh trung bình, khá, giỏi  ( lên lớp). | 96,53% | 99,75% | 99,8% | 99,5% | 94,9% |

[H5-5.6-02].

b) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt yêu cầu kế hoạch đề ra.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp | 100% | 100% | 100% | 99,5% | 97,7% |

[H5-5.6-03]

c) Nhà trường phối hợp với trường Trung cấp nghề, Trung tâm giáo dục

nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hướng nghiệp phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp học các trường Trung cấp nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên và các trường dân lập đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. [H5-5.6-04].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp đều đạt 95 % trở lên, có chiều hướng chuyển biến tích cực. [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05

năm liên tiếp đều đạt từ 99% trở lên. [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

Mức 3:

1. Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi về học lực luôn đạt trên 30% theo quy định

và có chuyển biến tích cực. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ học lực xếp loại giỏi | 29,86% | 44,92% | 37,15% | 36,6% | 39% |

[H5-5.6-05].

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá về học lực luôn đạt trên 33% trở lên. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ học lực xếp loại khá | 33,61% | 39,54% | 38,08% | 36,6% | 35% |

[H5-5.6-05].

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém đạt yêu cầu kế hoạch đề ra

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ học lực xếploại yếu, kém | 6,66% | 0,5% | 0,46% | 2,6% | 3% |

[H5-5.6-05].

- Học sinh có truyền thống chăm ngoan hiếu học. Tỷ lệ học sinh xếp loại khá, tốt về hạnh kiểm luôn đạt trên 92% theo quy định và năm học 2018-2019 có khuynh hướng cao hơn năm trước. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ hạnh kiểm xếp loại  khá, tốt | 100% | 99,75% | 99,8% | 99,2% | 99,8% |

[H5-5.6-01].

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học hàng năm luôn dưới 1%. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ học sinh bỏ học | 5/720  ( 0,69 %) | 7/787  (0,88%) | 8/864  (0,92%) | 9/921  (0,97%) | 10/1020  (0,98) |

[H5-5.6-05]

- Tỷ lệ học sinh lưu ban 3 năm gần đây không quá 2%. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **2014-2015** | **2015-2016** | **2016-2017** | **2017-2018** | **2018-2019** |
| Tỉ lệ học sinh lưu ban | 6/720  (0,8%) | 1/779  (0,12%) | 2/864  (0,23%) | 13/921  (1,4%) | 20/997  (2%) |

[H5-5.6-05]

**2. Điểm mạnh**

- Tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp đạt kế hoạch đề ra. Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học dưới mức quy định và tiến bộ theo từng năm.

- Số học sinh giỏi cấp huyện, thành phố cao hơn nhiều so với mặt bằng chung của huyện.

**3. Điểm yếu**

Số lượng học sinh lưu ban, bỏ học vẫn còn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp (đổi mới quản lý, phương pháp giảng dạy, công tác chính trị tư tư tưởng, hoạt động phong trào, ngoại khóa, công tác Đội, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu…) để nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì, phát huy những thành quả đạt được khắc phục những khiếm khuyết, thiếu sót còn tồn tại.

- Tổ chức nhiều hoạt động phong phú, nhiều sân chơi lành mạnh, bổ ích để thu hút, tập hợp, cảm hóa, giáo dục các em. Làm cho các em thực sự cảm thấy “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”, xác định động cơ học tập đúng đắn góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới triệt tiêu hiện tượng lưu ban, bỏ học.

**5. Tự đánh giá:**Đạt Mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5:**

Được Phòng Giao1 dục và Đào tạo đánh giá cao về việc “Đổi mới phương pháp quản lý và giảng dạy”, “Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giảng dạy” Học sinh có truyền thống chăm ngoan hiếu học. Tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt luôn cao. Liên tục nhiều năm liền là một trong những trường dẫn đầu về số lượng học sinh giỏi cấp huyện.Tỉ lệ học sinh khá giỏi luôn ổn định ở mức cao và năm sau cao hơn năm trước. Tỉ lệ học sinh yếu kém ngày càng giảm.

- Tuy nhiên, trường còn một số hạn chế, tồn tại cần khắc phục như: Số lượng học sinh lưu ban, bỏ học vẫn còn. Vẫn còn hiện tượng học sinh không học nghề hoặc có học nhưng bỏ thi. Việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương hằng năm chưa thường xuyên, kịp thời.

**+ Mức 1:** Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6

**+ Mức 2**: Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6.

**+ Mức 3:** Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2/4; số tiêu chí không đạt yêu cầu: 2/4

**III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận**

Đối chiếu những thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt

được trong những năm qua với **Điều 34 công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục của Thông tư số 18 /2018/TT-BGDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia đối với trường Trung học cơ sở, Trường Trung học phổ thông và Trường phổ thông có nhiều cấp cấp học,** Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh An đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí như sau:

- Tổng số các tiêu chí đạt được Mức 1: 28/28 - Tỉ lệ: 100%

- Tổng số các tiêu chí đạt được Mức 2: 28/28 - Tỉ lệ: 100%

- Tổng số các tiêu chí đạt được Mức 3: 6/20 - Tỉ lệ: 300%

- Tổng số các tiêu chí không đạt Mức 1, 2, 3: 14;

- Mức đánh giá của trường THCS Phước Vĩnh An: Mức 2;

- Trường THCS Phước Vĩnh An đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

**2. Kiến nghị**

Không

Củ Chi, ngày 06 tháng 11 năm 2019

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**    **Nguyễn Văn Tý** |
|  |  |

**PHẦN IV: PHỤ LỤC**

**BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát,điều tra,phỏng vấn,quan sát** | | **Nơi ban hành hoặc nhóm,cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Tiêu chí 1.1** | **1** | H1-1.1-01 | - Văn bản chiến lược phát triển được phê duyệt; | Số 01/CLPT THCSPVA | | Hiệu trưởng |  |
| **2** | H1-1.1-02 | Chiến lược phát triển được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt; | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018  Năm học 2018 -2019 | | Hiệu trưởng |  |
| **3** | H1-1.1-03 | -Đường link đăng tải chiến lược nhà trường được đăng trên trang web. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018  Năm học 2018 -2019 | | Cán bộ tin học  ( T Thạnh) |  |
| **4** | H1-1.1-04 | - Báo cáo hoặc biên bản họp có nội dung rà soát, bổ sung và điều chỉnh chiến lược phát triển của nhà trường; | Biên bản lập ngày 19/12/2016 | | Hiệu trưởng |  |
| **5** | H1-1.1-05 | Phiếu lấy ý kiến phụ huynh và biên bản họp có cộng đồng góp ý | 25/05/2019 | | VP |  |
|  | **1** | H1-1.2-01 | - Quyết định thành lập hội đồng trường. | Số 75/QĐ-GDĐT ngày 01/4/2016 | | PGDĐT Củ Chi |  |
| **Tiêu chí 1.2** | **2** | H1-1.2-02 | - Quyết định thành lập hội đồng thi đua khen thưởng; | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018  Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **3** | H1-1.2-03 | Quyết định phân công các Tổ trưởng chuyên môn | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | VP |  |
| **4** | H1-1.2-04 | Quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | VP |  |
| **5** | H1-1.2-05 | Quyết định thành lập Tổ VP và các bộ phận | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | VP |  |
| **6** | H1-1.2-06 | - Biên bản xét duyệt thi đua của Hội đồng thi đua, khen thưởng  ( Hồ sơ thi đua, khen thưởng); Biên bản chấm điểm hội thi giáo viên giỏi cấp trường; Biên bản họp hội đồng chuyên môn; biên bản xét TNTHCS…thể hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các hội đồng | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **7** | H1-1.2-07 | - Các biên bản kiểm tra, rà soát, bổ sung điều chỉnh kế hoạch và hoạt động của các hội đồng. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
|  | **8** | H1-1.2-08 | - Báo cáo sơ, tổng kết của các hội đồng có nội dung thể hiện hoạt động có hiệu quả…. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | |  |  |
|  | **1** | H1-1.3-01 | - Quyết định về việc thành lập công đoàn nhà trường (hoặc nghị quyết,biên bản đại hội công đoàn, quyết định chuẩn y, công nhận ban chấp hành, chủ tịch, phó chủ tịch Công đoàn,...); | Số 53/QĐ-CĐGD ngày 07/9/2015 | | CĐGD Củ Chi |  |
| **2** | H1-1.3-02 | - Quyết định thành lập chi đoàn giáo viên, | Số 37/QĐ-ĐTN ngày 30/12/2013 | | Xã đoàn PVA |  |
| **3** | H1-1.3-03 | - Quyết định thành lập (hoặc nghị quyết, biên bản đại hội) Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; | Số34/QĐ-HĐĐ ngày 25/10/2016 | | Hội đồng đội CC |  |
| **4** | H1-1.3-04 | - QĐ thành lập chi hội khuyến học | Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 | | VP |  |
| **5** | H1-1.3-05 | - QĐ thành lập chi hội chữ thập đỏ | Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 | | VP |  |
| **6** | H1-1.3-06 | -Biên bản, NQ của Công đoàn | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **7** | H1-1.3-07 | Biên bản, NQ của Đoàn thanh niên | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016 | | VP Đoàn-Đội |  |
| **Tiêu chí 1.3** |  |  |  | Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | |  |  |
| **8** | H1-1.3-08 | Biên bản, NQ của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | VP Đoàn-Đội |  |
| **9** | H1-1.3-09 | -Báo cáo kiểm điểm của Chi bộ.  Báo cáo sơ kết của Chi đoàn, Liên đội.  - Nghị quyết, biên bản cuộc họp của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường; | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Công- Chi-Đoàn  Chi bộ |  |
| **10** | H1-1.3-10 | -QĐ thành lập tổ chức đảng Cộng sản Việt nam ( NQ; BB đại hội chi bộ; QĐ chuẩn y công nhận chi ủy chi bộ; BT, P. BT…) | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Đảng ủy PVA |  |
| **11** | H1-1.3-11 | - Văn bản đánh giá xếp loại hoặc các hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền đối với tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Chi bộ |  |
| **12** | H1-1.3-12 | - Văn bản đánh giá xếp loại hoặc các hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền đối với tổ chức Công đoàn, | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | CĐCS |  |
| **13** | H1-1.3-13 | -Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Đoàn TNCS  HCM |  |
|  | **14** | H1-1.3-14 | Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác trong nhà trường; | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Đội TNTP HCM |  |
| **Tiêu chí 1.4** | **1** | H1-1.4-01 | - Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng | Số 5979/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 | | UBND huyện Củ Chi |  |
| **2** | H1-1.4-02 | - Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trường | 4762/ QĐ-UBND ngày 29/6/2015 | | UBND huyện Củ Chi |  |
| **3** | H1-1.4-03 | - Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn, tổ văn phòng, tổ giáo vụ và quản lý học sinh, tổ quản trị đời sống, các tổ và các bộ phận khác; | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Hiệu trưởng |  |
|  | **4** | H1-1.4-04 | - Kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học của tổ chuyên môn và tổ văn phòng;  - Sổ nghị quyết tổ.  - Biên bản họp tổ | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Các tổ trưởng |  |
| **5** | H1-1.4-05 | - Kế hoạch thao giảng, thực hiện các chuyên đề.  - Các chuyên đề chuyên môn. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Các tổ trưởng |  |
| **6** | H1-1.4-06 | - Bằng khen, giấy khen hoặc nhận xét, đánh giá của cấp có thẩm quyền về hoạt động của tổ chuyên môn. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **7** | H1-1.4-07 | - Báo cáo sơ kết, tổng kết của các tổ chuyên môn. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Các tổ trưởng |  |
|  | **1** | H1-1.5-01 | Sổ đăng bộ. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | VP THCS PVA |  |
| **Tiêu chí 1.5** | **2** | H1-1.5-02 | - Sổ chủ nhiệm. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 | | VP.THCS PVA |  |
| **3** | H1-1.5-03 | - Bản tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học (họ và tên giáo viên chủ nhiệm, họ và tên lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó); | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **4** | H1-1.5-04 | Danh sách học sinh các lớp theo từng năm học | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
|  | **5** | H1-1.5-05 | -Sổ điểm lớp | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **Tiêu chí 1.6** | **1** | H1-1.6-01 | -Hồ sơ của cán bộ quản lý( khen thưởng, NQ CBCC, thi đua, kiểm tra đánh giá giáo viên…) | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **2** | H1-1.6-02 | - Hồ sơ học vụ(, sổ gọi tên và ghi điểm; sổ đầu bài; học bạ học sinh; sổ quản lý cấp phát văn bằng; sổ theo dõi phổ cập, sổ chuyển đi **-** chuyển đến | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
|  | **3** | H1-1.6-03 | - Hồ sơ quản lý tài chính | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **4** | H1-1.6-04 | - Sổ theo dõi công văn đi của nhà trường; | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Văn thư |  |
| **5** | H1-1.6-05 | - Hồ sơ theo dõi sức khỏe của học sinh. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | YT |  |
| **6** | H1-1.6-06 | - Hồ sơ theo dõi sức khỏe của cán bộ – giáo viên – nhân viên. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | YT |  |
| **7** | H1-1.6-07 | - Giáo án, sổ kế hoạch giảng dạy, sổ dự giờ giáo viên. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Giáo viên BM |  |
|  | **8** | H1-1.6-08 | - Các văn bản hiện hành về quản lý tài chính, tài sản liên quan đến hoạt động tài chính; | Số 19/2006/QĐBTC 30/3/2006 | | Bộ trưởng bộ tài chính |  |
| **9** | H1-1.6-09 | - Dự toán ngân sách hàng năm có phê duyệt của cấp trên. Có nội dung chi cho học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ CB-GV-NV | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | | THCS PVA |  |
| **10** | H1-1.6-10 | - Báo cáo quyết toán, thống kê, tài chính, tài sản hằng năm; | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | | THCS PVA |  |
| **11** | H1-1.6-11 | - Các báo cáo của nhà trường có nội dung đánh giá thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê tài chính, tài sản theo quy định; công khai tài chính hằng năm; | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | | THCS PVA |  |
|  | **12** | H1-1.6-12 | - Báo cáo của ban thanh tra nhân dân có nội dung kiểm tra công khai tài chính; | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | | THCS PVA |  |
| **13** | H1-1.6-13 | - Quy chế chi tiêu nội bộ; | Số 39/BC-CĐCS PVA ngày 29/12/2015 | | CĐCS PVA |  |
| **14** | H1-1.6-14 | Ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính. | -Phần mềm quản lý tài chính | | THCS PVA |  |
| **15** | H1-1.6-15 | Biên bản kiểm tra tài chính hàng năm của cấp trên. | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | | THCS PVA |  |
| **16** | H1-1.6-16 | Kế hoạch, bản phê duyệt của cấp trên mua bàn ghế, thiết bị máy vi tính… | Năm 2014  Năm 2015  Năm 2016  Năm 2017  Năm 2018 | | THCS PVA |  |
| **Tiêu chí 1.7** | **1** | H1-1.7-01 | - Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hàng năm. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018  Năm học 2018-2019 | | THCS PVA |  |
| **2** | H1-1.7-02 | -Bản phân công chuyên môn, Thời khóa biểu | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | P. Hiệu trưởng |  |
| **Tiêu chí 1.8** | **1** | H1-1.8-01 | Kế hoạch năm học | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Hiệu trưởng |  |
| **2** | H1-1.8-02 | Sổ kế hoạch giảng dạy của giáo viên | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **3** | H1-1.8-03 | - Kế hoạch hoạt động chuyên môn.  -Kế hoạch giáo dục | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | P. Hiệu trưởng |  |
| **4** | H1-1.8-04 | - Kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm.  - Báo cáo tổng kết, sơ kết công tác kiểm tra nội bộ. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | P. Hiệu trưởng |  |
|  | **5** | H1-1.8-05 | - KH giảng dạy hướng nghiệp lớp 9 và dạy nghề lớp 8. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | P. Hiệu trưởng |  |
| **6** | H1-1.8-06 | -Báo cáo sơ tổng kết công tác chuyên môn | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | P. Hiệu trưởng |  |
| **7** | H1-1.8-07 | -Sổ hội họp ( Sổ họp giao ban, sổ nghị quyết có nội dung triển khai các văn bản dạy thêm học thêm).  - Đơn xin dạy tại các trung tâm của giáo viên. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **Tiêu chí 1.9** | **1** | H1-1.9-01 | Hồ sơ hội nghị CBCC | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | CĐCS |  |
| **2** | H1-1.9-02 | -Hồ sơ Đại hội Cha mẹ học sinh có kiến nghị và giải quyết kiến nghị  -Quy chế dân chủ ở cơ sở. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | CĐCS |  |
| **3** | H1-1.9-03 | -Giải quyết các kiến nghị của CB-GV-NV ( HN CB-CC). | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | CĐCS |  |
|  | **4** | H1-1.9-04 | - Các báo cáo của nhà trường có nội dung đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ; ( HN CB-CC) | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | CĐCS |  |
|  | **5** | H1-1.9-05 | -Hộp thư điện tử; hộp thư góp ý | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **Tiêu chí 1.10** | **1** | H1-1.10-01 | - Quyết định thành lập ban xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Hiệu trưởng |  |
| **2** | H1-1.10-02 | - Kế hoạch hoạt động của Ban xây dựng trường học an toàn. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Hiệu trưởng |  |
| **3** | H1-1.10-03 | - Quy chế phối hợp giữa nhà trường với cơ quan công an và y tế về phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội; | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **4** | H1-1.10-04 | - Các hình thức khen thưởng của cấp trên về thành tích đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của nhà trường; | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Các cấp: PGD, UBND xã |  |
|  | **5** | H1-1.10-05 | - Các báo cáo của nhà trường có nội dung đánh giá việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **6** | H1-1.10-06 | - Phương án PCCC trong nhà trường. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **7** | H1-1.10-07 | - Báo cáo kiểm tra an toàn cháy nổ và đánh giá việc đảm bảo an toàn thực phẩm ở căn tin. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | Phòng CSPCCC huyện CC. |  |
| **8** | H1-1.10-08 | - Nội dung tuyên truyền Luật giao thông. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **9** | H1-1.10-09 | - Biên bản kí kết thực hiện ANGT của HS và CB – giáo viên – nhân viên. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
|  | **10** | H1-1.10-10 | Hộp thư: điều em muốn nói. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **11** | H1-1.10-11 | - Nội dung giáo dục lồng ghép Luật giao thông trong các tiết học GDCD, HĐGDNGLL, sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt Đội, sinh hoạt dưới cờ, giáo dục kỹ năng sống, về bình đẳng giới, về bạo lực học đường. | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | | THCS PVA |  |
| **Tiêu chí 2.1** | **1** | H2-2.1-01 | Hồ sơ cán bộ công chức, khen thưởng, chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục của Hiệu Trưởng và Phó Hiệu Trưởng; | | B002/BNV/2007  QĐ-BNV 18/06/2007  Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Bộ Nội Vụ | VP |
|  | **2** | H2-2.1-02 | - Hồ sơ đánh giá hiệu trưởng, p. hiệu trưởng | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | VP | |
|  | **3** | H2-2.1-03 | - Bảng tổng hợp đánh giá chuẩn hiệu trưởng.  - Giấy chứng nhận học lớp cập nhật kiến thức mới, danh sách đang học lớp Quản lý nhà nước… | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | VP | |
| **Tiêu chí 2.2** | **1** | H2-2.2-01 | - Các văn bản phân công giáo viên giảng dạy hằng năm. | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Hiệu trưởng | P.HT | |
| **2** | H2-2.2-02 | -Các văn bản báo cáo nhân sự hằng năm giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | P.Hiệu trưởng | VP | |
| **3** | H2-2.2-03 | Hồ sơ quản lý nhân sự nhà trường; | | B005/BNV/2007  QĐ-BNV 18/06/2007 | THCS PVA | VP | |
|  | **4** | H2-2.2-04 | -Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ đào tạo | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | VP | |
| **Tiêu chí 2.2** | **5** | H2-2.2-05 | Hồ sơ hoặc kế hoach tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, phân luồng học sinh | | Các năm | THCS PVA | VP | |
| **6** | H2-2.2-06 | Danh sách GV giỏi, CSTĐ  LĐTT | | Hàng năm | THCS PVA | VP | |
| **7** | H2-2.2-07 | -BB đáng giá, xếp loại GV hàng năm theo chuẩn nghề nghiệp GV | | -Hàng năm | THCS PVA |  | |
| **8** | H2-2.2-08 | - Các SKKN; các công trình nghiên cứu đắp sa bàn, mô hình dạy học | | -Hàng năm | THCS PVA | VP | |
| **Tiêu chí 2.3** | **1** | H2-2.3-01 | - Danh sách và quyết định viên chức làm công tác thư viện, thiết bị, kế toán, thủ quỹ, y tế trường học và các nhân viên khác của nhà trường hằng năm; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Hiệu trưởng | VP | |
| **2** | H2-2.3-02 | - Văn bằng đào tạo của nhân viên chứng chỉ, bồi dưỡng theo vị trí việc làm. | | B003/BNV/2007  QĐ-BNV 18/06/2007 | Các cấp đào tạo | VP | |
| **3** | H2-2.3-03 | - Kết quả đánh giá nhân viên hàng năm; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-2019 | Hiệu trưởng | VP | |
|  | **4** | H2-2.3-04 | -Các văn bản chế độ, chính sách cho nhân viên; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016-2017  Năm học 2017-2018  Năm học 2018-20189 | Kế toán | Kế toán | |
| **Tiêu chí 2.3** | **1** | H2-2.4-01 | - Danh sách học sinh các lớp học trong trường hằng năm có thông tin về năm sinh; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | VP | |
| **2** | H2-2.4-02 | - Tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại hạnh kiểm của học sinh ở các lớp; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | GVCN | VT | |
| **3** | H2-2.4-03 | -Sổ liên lạc. | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | GVCN | VT | |
| **4** | H2-2.4-04 | -Danh sách học sinh nghèo, dân tộc được nhận học bổng. | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | VP | VT | |
|  | **5** | H2-2.4-05 | Sổ CN; BB 1 số HS vi phạm được giáo dục nhưng có tiến bộ về HK | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | VP | VT | |
| **Tiêu chí 3.1** | **1** | H3-3.1-01 | - Quyết định xây dựng trường; | | Số11472/QĐUBND ngày 31/10/2011 | UBND Huyện Củ Chi | Phòng TB | |
| **2** | H3-3.1-02 | - Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường; thiết kế khu nhà vệ sinh, nhà xe đúng qui định… | | Số 634/AB/2014 | Công ty thiết kế đo đạc An Bình | Phòng TB | |
| **3** | H3-3.1-03 | - Giấy chứng nhận hoặc giấy khen công sở văn minh sạch đẹp, an toàn…; | | Số 222/QĐ-UBND ngày 16/11/2013 | UBND | Phòng TB | |
| **4** | H3-3.1-04 | -Hồ sơ thiết kế xây dựng trường ( Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường; phòng học, phòng chức năng, phòng hành chánh; đa năng, tin học,phòng y tế, phòng truyền thống, thư viện, thiết bị, phòng Đoàn –Đội, phòng hiệu trưởng, phòng P. hiệu trưởng, nhà xe giáo viên, học sinh…). | | Ngày 17/2/2012 Công ty xây dựng Tấn Trường | Công ty xây dựng Tấn Trường | Phòng TB | |
| **Tiêu chí 3.2** | **1** | H3-3.2-01 | - Danh mục bàn ghế hs, giáo viên, thiết bị, bảng …công trình bàn giao; Các báo cáo của nhà trường có nội dung đánh giá về phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh đảm bảo quy định; | | Ngày 3/9/2015 | Giáo viên phụ trách CSVC | Phòng TB | |
|  | **2** | H3-3.2-02 | -Sổ quản lý tài sản có các thiết bị văn phòng và thiết bị khác  - Các hóa đơn, chứng từ mua sắm sửa chữa thiết bị khối hành chính- quản trị | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Kế toán | Phòng kế toán | |
| **Tiêu chí 3.3** | **1** | H3-3.3-01 | -Hợp đồng hóa đơn thanh toán Internet; hóa đơn mua sắm sửa chữa | | Mã khách hàng: IS00996601 | VNPT HCM |  | |
| **2** | H3-3.3-02 | - Báo cáo có nội dung đánh giá các loại máy văn phòng, Internet; | | Ngày 10/10/2016 | Giáo viên vi tính | Phòng TB | |
| **3** | H3-3.3-03 | Nhà nghỉ GV | | 20/08/2015 | THCS PVA | T. Bình | |
| **Tiêu chí 3.4** | **1** | H3-3.4-01 | - Hợp đồng làm vệ sinh; | | 15/8/2016 | Hiệu trưởng | Phòng TB | |
| **2** | H3-3.4-02 | - Hợp đồng nước sạch; | | Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Phòng Y tế | |
| **3** | H3-3.4-03 | - Hợp đồng nước uống; | | Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Thượng Hảo  ( Bình Dương) | Phòng tài vụ | |
| **4** | H3-3.4-04 | -Sơ đồ hệ thống thoát nước; | | Ngày 17/2/2012 Công ty xây dựng Tấn Trường | Công ty xây dựng Tấn Trường | Phòng TB | |
|  | **5** | H3-3.4-05 | - Hợp đồng thu gom rác; | | Ngày 14/4/2016 | Hiệu trưởng | Phòng TB | |
|  | **1** | H3-3.5-01 | - Danh mục thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | CBTB | Phòng TB | |
| **Tiêu chí 3.5** | **2** | H3-3.5-02 | - Sổ thống kê ĐDDH; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Tổ TBTN | Phòng TB | |
| **3** | H3-3.5-03 | - Sổ đăng ký mượn đồ dùng dạy học; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Giáo viên bộ môn | Phòng TB | |
| **4** | H3-3.5-04 | - Danh mục đồ dùng dạy học do giáo viên tự làm hằng năm; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | CBTB | Phòng TB | |
| **5** | H3-3.5-05 | -Kế hoạch Làm ĐDDH hàng năm; | | Số 04/TB/PVA ngày 19/9/2016 | CBTB | Phòng TB | |
| **6** | H3-3.5-06 | - Kế hoạch hằng năm của nhà trường về việc sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | CBTB | Phòng Tb | |
|  | **1** | H3-3.6-01 | - Giấy chứng nhận hoặc quyết định công nhận thư viện đạt tiêu chuẩn; xuất sắc thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ GDĐT; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Sở GDDT | Thư viện | |
| **Tiêu chí 3.6** | **2** | H3-3.6-02 | - Danh mục sách, báo và tài liệu tham khảo được bổ sung hằng năm;  -Hệ thống máy vi tính thư viện nối mạng chung toàn trường | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Sách TB TP | Thư viện | |
| **3** | H3-3.06-03 | -Hội thi kể chuyện theo sách; giấy khen; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Phòng GDĐT | Thư viện | |
|  | **4** | H3-3.06-04 | - Các Báo cáo thư viện hàng năm về mua sắm bổ sung sách, tạp chí; bản đồ…  -Hóa đơn thanh toán mua sách, báo, tài liệu, bản đồ hàng năm | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | P.Thư viện |  | |
| **Tiêu chí 4.1** | **1** | H4-4.1-01 | - Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp và nhà trường; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | HT | CĐ | |
| **2** | H4-4.1-02 | - Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | CĐ  CĐ  CĐ | |
| **3** | H4-4.1-03 | - Báo cáo về hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; trong đó có nội dung phát học bổng cho học sinh nghèo; phổ biến về chủ trương của Nhà nước về giáo dục ( Tuyên truyền và làm cam kết về ATGT, mua BHYT, BHTN, phổ cập bơi, …) | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | CĐ  CĐ | |
|  | **4** | H4-4.1-04 | - Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh;  - Sổ xã hội hóa giáo dục khen thưởng cuối năm  - Kinh phí hỗ trợ hoạt động trải nghiệm | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA  -P. Tài vụ | VP | |
| **5** | H4-4.1-05 | - Kế hoạch, chương trình tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh;  -Biên bản GVCN làm việc với phụ huynh vận động học sinh bỏ học ra lớp | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | HT | CĐ | |
| **6** | H4-4.1-06 | - Biên bản các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | HT VÀ BĐD | TKNT | |
| **Tiêu chí 4.2** | **1** | H4-4.2-01 | - Văn bản của nhà trường tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển; ( nội dung kế hoạch phối hợp Công an kiểm tra các bãi giữ xe bên ngoài nhà giữ xe mô tô, KT phụ huynh việc đội nón BH cho học sinh khi đưa đón HS đến trường) | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | VP | |
| **2** | H4-4.2-02 | -Qui chế phối hợp công an; | | 04/QCPH-THCSPVA-CA 08/03/2016. | HT và CA | VP | |
| **3** | H4-4.2-03 | - Quy chế phối hợp 3 môi trường giáo dục; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **4** | H4-4.2-04 | -Văn bản tham mưu Đảng ủy- ủy ban vận động học bỏ học ra lớp. | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **5** | H4-4.2-05 | -Văn bản tham mưu Đảng ủy- ủy ban tuyển sinh đầu cấp | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **6** | H4-4.2-06 | -Văn bản tham mưu Đảng ủy- ủy ban vận động học sinh TNTHCS không tuyển sinh 10 vào học các Trường Trung cấp nghề; Trung tâm giáo dục nghề- Giáo dục thường xuyên | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **7** | H4-4.2-07 | - Hồ sơ khám sức khỏe học sinh; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 –2018  Năm học 2018 –2019 | THCS PVA | Y tế | |
| **8** | H4-4.2-08 | -Hồ sơ Dự án SCI; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | P. HT | |
|  | **1** | H4-4.2- 04 | - Kế hoạch thực hiện việc chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, Mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | P. HT | |
|  | **2** | H4-4.2-05 | - Hình ảnh hoạt động chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, Mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương; chăm sóc bia tưởng niệm liệt sĩ Trần Văn Chẩm, Nguyễn Văn lịch… | | HÌNH ẢNH HĐ  Năm 2015-2016-2017-2018 | CHI ĐOÀN | CHI ĐOÀN | |
| **3** | H4-4.2-06 | -Kế hoạch, kinh phí công trình của chi đoàn đóng góp xây dựng bia tưởng niệm Trần Văn Chẩm; công trình đóng góp xây đường vào nhà AHLS Trần Văn Chẩm; | | Năm học 2015 –2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018 | BTCĐ  CT CÔNG ĐOÀN | CHI ĐOÀN  CĐ | |
| **Tiêu chí 5.1** | **1** | H5-5.1-01 | - Kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 2018  Năm học 2018 –2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **2** | H5-5.1-02 | -Các báo cáo của nhà trường có nội dung đánh giá đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá của giáo viên. | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 –2018  Năm học 2018 - 2019 | THCS PVA | P. HT | |
| **3** | H5-5.1-03 | - Kế hoạch hoạt động chuyên môn của nhà trường; Tổ chuyên môn; giáo viên.  - Sổ họp tổ chuyên môn có nội dung có nôi dung đánh giá việc thực hiện chương trình | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 –2018  Năm học 2018 2019 | THCS PVA | P. HT | |
|  | **4** | H5-5.1-04 | - Kế hoạch, báo cáo bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu; học sinh có hoàn cảnh khó khăn…  - Các báo cáo của nhà trường có nội dung số liệu tỷ lệ học sinh Giỏi cấp Huyện; TP | | Số 21/KH-CM THCS PVA 29/8/2015  Số 11/KH-THCSPVA 22/6/2015  Số 22/KH-CM THCSPVA 29/8/2015  Biên bản kiểm tra 19/11/2015 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **5** | H5-5.1-05 | - Các báo cáo của nhà trường có nội dung nêu các hình thức tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **6** | H5-5.1-06 | - Tổ chức lớp ôn tập hè; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  |  | H5-5.1-07 | - Các báo cáo của nhà trường có nội dung rà soát, đánh giá, phân tích các biện pháp, giải pháp để điều chỉnh, bổ sung các hoạt động giáo dục; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **Tiêu chí 5.2** | **1** | H5-5.2-01 | - Hình ảnh một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian cho học sinh; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017– 2018  Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **2** | H5-5.2-02 | - Kế hoạch tham gia Hội khỏe Phù Đổng, hội thi văn nghệ, thể thao, các hoạt động lễ hội dân gian; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 -2019 | Tổ thể dục |  | |
|  | **3** | H5-5.2-03 | -Huy chương, giấy khen các phong trào thể dục, thể thao, văn nghệ | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **4** | H5-5.2-04. | -Danh sách học sinh đạt giải Olympic tháng 4. Lần 1 | | Năm học 2018-2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **5** | H5-5.2-05 | -Danh sách học sinh năng khiếu các môn học đạt giải học sinh giỏi cấp huyện, thành phố | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **Tiêu chí 5.3** | **1**  **2** | H5-5.3-01  H5-5.3-02 | - Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học có nội dung giáo dục địa phương;  - Tài liệu về nội dung giáo dục địa phương từng môn học;(Giáo án giáo dục địa phương các môn, đề kiểm tra có giáo dục địa phương..) | | Số 17/KH-CM THCSPVA 18/9/2014  Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018  Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **3** | H5-5.3-03 | - Biên bản, báo cáo có nội dung rà soát, đánh giá nội dung giáo dục địa phương; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **Tiêu chí 5.4** | **1** | H5-5.4-01 | - Kế hoạch hướng nghiệp cho học sinh hằng năm;  - Rèn luyện kỷ năng sống;  - Kế hoạch trải nghiệm, bảng phân công dạy hướng nghiệp | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **2** | H5-5.4-02 | - Các báo cáo của nhà trường có nội dung đánh giá thực hiện giáo dục nghề phổ thông - hướng nghiệp; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **3** | H5-5.4-03 | - Tỷ lệ học sinh tham gia học nghề; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **4** | H5-5.4-04 | - Kết quả xếp loại học nghề; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **5** | H5-5.4-05 | -Kế hoạch phân công, huy động giáo viên nhân viên tham gia các hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm  - KH tổ chức học sinh tham quan trải nghiệm tại khu công nghệ cao huyện Củ Chi. | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **Tiêu chí 5.5** | **6** | H5-5.4-06 | - Kế hoạch phối hợp với các trường Trung cấp nghề, Trường cao đẳng hướng nghiệp cho học sinh khối 9 | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **1** | H5-5.5-01 | - Kế hoạch tổ chức giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống cho học sinh; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **2** | H5-5.5-02 | - Các tài liệu, giáo án, chuyên đề giáo dục kỹ năng sống; hình ảnh sinh hoạt tập thể làm việc theo nhóm, kỹ năng phòng chống đuối nước...  - Các báo cáo hoạt động của nhà trường hằng năm có nội dung đánh giá việc giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống cho học sinh; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **3** | H5-5.5-03 | - Các báo cáo hoạt động của nhà trường hằng năm có nội dung đánh giá việc giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống cho học sinh; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **4** | H5-5.5-04 | -Các chuyên đề môn Lý-Hóa-Sinh hướng dẫn các em nghiên cứu khoa học, công nghệ | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | Tổ chuyên môn Sinh-Lý-Hóa… |  | |
|  | **1** | H5-5.6-01 | - Các báo cáo của nhà trường có nội dung thống kê kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh; | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 - 2017  Năm học 2017 - 2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **Tiêu chí 5.6** | **2** | H5-5.6-02 | - Các báo cáo của nhà trường có nội dung số liệu tỷ lệ lên lớp; (Báo cáo Tổng kêt năm học). | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
| **3** | H5-5.6-03 | - Các báo cáo của nhà trường có nội dung số liệu tỷ lệ học sinh tốt nghiệp ( báo cáo Tổng kết năm học). | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **4** | H5-5.6-04 | -KH phân luồng HS sau tốt nghiệp, báo cáo kết quả phân luồng sau tốt nghiệp | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 | THCS PVA | Văn thư | |
|  | **5** | H5-5.6-05 | - Các báo cáo của nhà trường có nội dung số liệu tỷ lệ học sinh giỏi, khá, yếu, kém, lưu ban, bỏ học ( Báo cáo tổng kết năm học; báo cáo thành tích từng năm học). | | Năm học 2014 -2015  Năm học 2015 -2016  Năm học 2016 -2017  Năm học 2017 -2018 Năm học 2018 -2019 |  | Văn thư | |